

Số: 146/2024/CBTT - VIWASUPCO

Hoà Bình, ngày 23 tháng 4 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GD&ĐT HÀ NỘI**

Kính gửi: - SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Tên đơn vị: Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà
- Mã chứng khoán: VCW
- Trụ sở chính: Xóm Vật Lại, xã Thịnh Minh, Thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình.
- Điện thoại: (84) 02183 840 146 Fax: (84) 02183 840 148
- Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Xuân Quý
- Loại thông tin công bố: Định kỳ Bất thường 24h Theo yêu cầu
- Nội dung của thông tin công bố:

Ngày 23/4/2024, Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà đã tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024. Công ty xin công bố thông tin về Biên bản số 01/2024/BB-ĐHĐCĐ và Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ cùng các tài liệu đính kèm có liên quan.

Thông tin này đã được công bố trên website của Công ty tại đường link vivasupco.com.vn. Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp Luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu TCHC

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



Nguyễn Xuân Quý

Số:01/2024/NQ - ĐHĐCĐ

Hòa Bình, ngày 23 tháng 04 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2021;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực từ ngày 01/1/2021;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà được Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thông qua ngày 25/4/2023;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/BB – ĐHĐCĐTN ngày 23/04/2024,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các nội dung sau:

- Thông qua Báo cáo số 102/2024/BC-HĐQT ngày 28/03/2024 của Hội đồng quản trị Công ty (“HĐQT”), cụ thể:
 - Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2023:

STT	Khoản mục	Đ.vị	Kế hoạch Năm 2023	Thực hiện Năm 2023	Tỷ lệ % TH/KHN
1	Tổng sản lượng nước	m ³	109.636.785	111.858.642	102%
2	Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh	Tỷ VNĐ	563,990	573,503	102%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ VNĐ	54,379	34,045	63%
4	Đầu tư	Tỷ VNĐ	1.863,12	1.136,42	61%

- Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 với các chỉ tiêu chính như sau:

STT	Khoản mục	Đ.vị	Kế hoạch Năm 2024
1	Tổng sản lượng nước	Triệu m ³	115,34
2	Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh	Tỷ VNĐ	592,09
3	Chi phí	Tỷ VNĐ	690,39
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ VNĐ	(98,30)

c. Kế hoạch đầu tư năm 2024 với các chỉ tiêu chính như sau:

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Phương án nguồn vốn	Kế hoạch chi phí (Mức đầu tư) năm 2024 (Tỷ VNĐ)
1	Dự án nước sạch Sông Đà giai đoạn II	Vốn vay và vốn tự có	1.347,36
2	Mạng lưới tuyến ống Cấp II	Vốn vay và vốn tự có	60,06
3	Chi phí Ban quản lý	Vốn vay và vốn tự có	6,569
	Cộng (1) + (2) +(3)		1.413,99

ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT Công ty căn cứ vào tình hình thực tế xem xét điều chỉnh các chỉ tiêu chính về sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty năm 2024 cho phù hợp (nếu cần).

2. Thông qua toàn văn Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam như đính kèm.
3. Thông qua toàn văn Báo cáo số 103/2024/BC-HĐQT ngày 28/03/2024 của HĐQT về hoạt động HĐQT năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ của HĐQT năm 2024;
4. Thông qua toàn văn Báo cáo ngày 28/3/2024 của Ban kiểm soát Công ty (“BKS”) về hoạt động BKS năm 2023;
5. Thông qua nội dung đề xuất tại Tờ trình số 105/2024/TTr-BKS ngày 28/3/2024 của BKS về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty. ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong các đơn vị kiểm toán dưới đây để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty:

Công ty TNHH KPMG Việt Nam;

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam;

6. Thông qua các nội dung báo cáo và đề xuất tại Tờ trình số 107/2024/TTr-HĐQT ngày 28/3/2024 của HĐQT về việc chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2023 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2024, cụ thể như sau:

6.1. Năm 2023: Thù lao HĐQT và BKS là: 2.640.000.000 đồng.

Trong đó:

HĐQT là: 2.040.000.000 đồng/năm

BKS là: 600.000.000 đồng/năm

6.2. Năm 2024: Kế hoạch trả thù lao HĐQT, BKS: 2.640.000.000 đồng,

Trong đó:

Thù lao HĐQT là: 2.040.000.000 đồng

Chủ tịch HĐQT là: 50.000.000 đ/tháng.

Thành viên HĐQT (04 người): 30.000.000 đ/người/tháng.

Thù lao BKS: 600.000.000 đồng

Trưởng BKS: 30.000.000 đ/tháng

Thành viên BKS (02 người): 10.000.000 đ/người/tháng

7. Thông qua nội dung đề xuất tại Tờ trình số 108/2024/TTr-HĐQT ngày 28/3/2024 của HĐQT về phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2024, cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Giá trị (vnd)
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính riêng tại 31/12/2022.	587.919.445.792
2	Lợi nhuận đã phân phối theo Nghị quyết 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2023 (chi trả cổ tức đợt 2 tỷ lệ 5% đối với lợi nhuận năm 2022 (01 cổ phiếu được nhận 500 đồng).	37.500.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2023.	34.044.845.279
4	Tổng nguồn phân phối lợi nhuận cho năm 2023 (4)=(1)-(2)+(3).	584.464.291.071
5	Lợi nhuận đề nghị phân phối.	37.500.000.000
	Trong đó:	
	<i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi;</i>	0
	<i>Cổ tức năm 2023 bằng tiền (tỷ lệ 5% (01 cổ phiếu được nhận 500 đồng) (*).</i>	37.500.000.000
6	Lợi nhuận để lại sau phân phối (6)=(4)-(5).	546.964.291.071
7	Kế hoạch chi trả cổ tức 2024.	0

8. Thông qua toàn văn Báo cáo số 104/2024/BC-HĐQT ngày 28/3/2024 của HĐQT Công ty về việc thực hiện các nội dung ủy quyền của ĐHĐCĐ cho HĐQT. Đồng thời, đồng ý tiếp tục ủy quyền cho HĐQT Công ty: (1) điều chỉnh phương án liên quan đến các công trình khai thác nguồn nước và tuyến ống dẫn nước thô từ Sông Đà về khu xử lý nước của Dự án giai đoạn II nhằm mục tiêu tối ưu hóa hệ thống và không vượt Tổng mức đầu tư của Dự án đã được phê duyệt theo Quyết định số 02/2022/QĐ-HĐQT ngày 01/8/2022; (2) Quyết định, tổ chức triển khai, hoàn thiện phương án và phê duyệt dự án giai đoạn II điều chỉnh (trên cơ sở chủ trương điều chỉnh phương án công trình khai thác nguồn nêu trên); và (3) các nội dung công việc khác trong quá trình triển khai, thực hiện Dự án giai đoạn II thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành. HĐQT Công ty có trách nhiệm báo cáo ĐHĐCĐ tại kỳ họp ĐHĐCĐ gần nhất về việc thực hiện các nội dung ủy quyền trên.

Điều 2. Điều khoản thi hành:

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 4 năm 2024.
2. Các ông/bà Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 (T/hiện);
- VSD, SGDCK;
- Website Công ty;
- Lưu VP.

**T.M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



LÊ VĂN THĂNG



BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà.

Trụ sở chính: Xóm Vật Lại, Xã Thịnh Minh, Thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình.

Giấy chứng nhận ĐKKD: số 5400310164 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh hòa Bình cấp ngày 17/12/2009; thay đổi lần thứ 6 ngày 24/02/2020;

Hôm nay, ngày 23 tháng 04 năm 2024, vào hồi 9^h 00' tại Hội trường Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (Xóm Vật Lại, Xã Thịnh Minh, Thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình), Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà được tiến hành với các nội dung sau:

I. PHẦN THỨ NHẤT - KHAI MẠC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Báo cáo thẩm tra tư cách Cổ đông:

Đại hội đã nghe Ông **Nguyễn Mạnh Hải** - Trưởng ban kiểm tra tư cách Cổ đông công bố kết quả kiểm tra xác nhận tư cách Cổ đông và đại diện Cổ đông dự họp như sau:

Tổng số Cổ đông và đại diện Cổ đông được quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà là 159 Cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, sở hữu hoặc đại diện sở hữu 75.000.000 cổ phần phổ thông.

(Danh sách Cổ đông được mời tham dự Đại hội được lập trên cơ sở danh sách chốt tại ngày 22/3/2024)

Tổng số Cổ đông và đại diện Cổ đông thực tế dự họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà là **10** Cổ đông, sở hữu/đại diện cho tổng số **73.972.774** cổ phần, tương đương với **98,63%** tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết của Công ty.

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà đã đủ các điều kiện để tiến hành. Các Cổ đông và đại diện Cổ đông dự họp có quyền biểu quyết theo số cổ phần sở hữu hoặc đại diện.

2. Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu

Ông **Vương Ngọc Văn** – Giám đốc Ban Tổ chức Hành chính Công ty thay mặt Ban tổ chức Đại hội tiến hành các thủ tục:

2.1 Chào cờ và tuyên bố lý do tổ chức Đại hội

2.2 Giới thiệu Đại biểu, khách mời tham dự;

2.3. Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, gồm:

+ Ông Lê Văn Thăng - Chủ tịch HĐQT Công ty - Chủ tọa;

+ Ông Trương Khắc Hoàn - P.Chủ tịch HĐQT Công ty ;



- + Ông Nguyễn Xuân Quý - Thành viên HĐQT Công ty;
- + Ông Nguyễn Anh Tuấn - Thành viên HĐQT Công ty
- 2.4. Giới thiệu Ban thư ký gồm:
 - + Bà : Đinh Thị Thùy Dương – Thư ký Công ty - Trưởng ban
 - + Bà: Trần Minh Nghĩa - Thành viên

3. Thông qua Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc của Đại hội:

- Đại hội đã nghe Ông Vương Ngọc Văn – Giám đốc Ban Tổ chức Hành chính thay mặt Ban tổ chức đọc Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc của Đại hội.

- Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần biểu quyết đồng ý là: **73.972.774** cổ phần, đạt **100%** tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội, không có phiếu biểu quyết không đồng ý hoặc không có ý kiến.

- Đại hội đã biểu quyết thông qua việc bầu Ban kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội gồm các Ông/bà có tên sau:

- Ông Nguyễn Mạnh Hải - Trưởng Ban
- Ông Đặng Gia Mười; - Thành viên
- Bà Bùi Thị Vũ Anh: - Thành viên
- Ông Nguyễn Minh Đức - Thành viên

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần biểu quyết đồng ý là **73.972.774** cổ phần, đạt **100%** tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội, không có phiếu biểu quyết không đồng ý hoặc không có ý kiến.

II. PHẦN THỨ HAI - CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC TRÌNH BÀY TẠI ĐẠI HỘI

1. Ông Nguyễn Xuân Quý – Tổng Giám đốc Công ty đã trình bày trước Đại hội:

- Báo cáo số 102/2024/BC – HĐQT ngày 28/03/2024 của Hội đồng quản trị Công ty (“**HĐQT**”) về báo cáo kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh và Đầu tư năm 2024;

2. Ông Nguyễn Anh Tuấn – Thành viên HĐQT đã trình bày trước Đại hội:

- Báo cáo số 103/2024/TTr-HĐQT ngày 28/3/2024 của HĐQT Công ty về hoạt động của HĐQT năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024.

3. Ông Trương Khắc Hoành – P.Chủ tịch HĐQT Công ty trình bày trước Đại hội:

- Báo cáo số 104/2024/BC- HĐQT ngày 28/3/2024 của HĐQT công ty về việc thực hiện các nội dung ủy quyền của ĐHCĐ cho HĐQT năm 2023

4. Ông Nguyễn Việt Trung – Trưởng Ban kiểm soát Công ty trình bày trước Đại hội:

- Báo cáo ngày 28/3/2024 của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2023;

- Tờ trình số 105/2024/TTr- BKS ngày 28/3/2024 của Ban kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.

6. Ông Đào Gia Thắng – Kế Toán Trưởng Công ty trình bày trước đại hội:

- Tờ trình số 108/2024/TTr-HĐQT ngày 28/3/2024 của HĐQT Công ty về phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2024.

- Tờ trình số 106/2024/TTr-HĐQT ngày 28/3/2024 của HĐQT Công ty về việc Thông

qua Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam;

- Tờ trình số 107/2024/TTr- HĐQT ngày 28/3/2024 của HĐQT Công ty về tình hình chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023 và kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát 2024;

III. PHẦN THỨ BA – THẢO LUẬN TẠI ĐẠI HỘI:

Không có Cổ đông nào có câu hỏi đối với Đoàn chủ tịch.

IV. PHẦN THỨ TƯ - KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI

Ông Lê Văn Thăng – Chủ tọa Đại hội nêu lần lượt các vấn đề được đưa ra và biểu quyết từng vấn đề tại Đại hội theo hình thức biểu quyết theo phiếu biểu quyết, kết quả biểu quyết như sau:

1. Báo cáo số 102/2024/BC – HĐQT ngày 28/03/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về báo cáo kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh và Đầu tư năm 2024;

Đại hội đồng Cổ đông thống nhất thông qua Báo cáo số 102/2024/BC – HĐQT ngày 28/03/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về báo cáo kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh và Đầu tư năm 2024 với các chỉ tiêu chính như sau:

a. Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2023:

STT	Khoản mục	Đ.vị	Kế hoạch Năm 2023	Thực hiện Năm 2023	Tỷ lệ % TH/KHN
1	Tổng sản lượng nước	m ³	109.636.785	111.858.642	102%
2	Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh	Tỷ VNĐ	563,990	573,503	102%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ VNĐ	54,379	34,045	63%
4	Đầu tư	Tỷ VNĐ	1.863,12	1.136,42	61%

b. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024:

STT	Khoản mục	Đ.vị	Kế hoạch Năm 2024
1	Tổng sản lượng nước	Triệu m ³	115,34
2	Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh	Tỷ VNĐ	592,09
3	Chi phí	Tỷ VNĐ	690,39
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ VNĐ	(98,30)

c. Kế hoạch đầu tư năm 2024:

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Phương án nguồn vốn	Kế hoạch chi phí (Mức đầu tư năm 2024 (Tỷ VNĐ))
1	Dự án nước sạch Sông Đà giai đoạn II	Vốn vay và vốn tự có	1.347,36
2	Mạng lưới tuyến ống Cấp II	Vốn vay và vốn tự có	60,06
3	Chi phí Ban quản lý	Vốn vay và vốn tự có	6,569
	Cộng (1) + (2) +(3)		1.413,99

ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT Công ty căn cứ vào tình hình thực tế xem xét điều chỉnh các chỉ tiêu chính về sản xuất kinh doanh và đầu tư của công ty năm 2024 cho phù hợp (nếu cần).

Đại hội đồng Cổ đông đã biểu quyết với kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần biểu quyết đồng ý là: **73.972.774** cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

2. Báo cáo số 103/2024/TTr-HĐQT ngày 28/3/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về hoạt động của HĐQT năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024.

Đại hội đồng Cổ đông thống nhất thông qua toàn văn Báo cáo số 103/2024/TTr-HĐQT ngày 28/3/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về hoạt động của HĐQT năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024.

Đại hội đồng Cổ đông đã biểu quyết với kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần biểu quyết đồng ý là: **73.972.774** cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

3. Báo cáo số 104/2024/BC- HĐQT ngày 28/3/2024 của HĐQT công ty về việc thực hiện các nội dung ủy quyền của ĐHĐCĐ cho HĐQT năm 2023.

Đại hội đồng Cổ đông thống nhất thông qua toàn văn báo cáo số 104/2024/BC- HĐQT ngày 28/3/2024 của HĐQT công ty về việc thực hiện các nội dung ủy quyền của ĐHĐCĐ cho HĐQT năm 2023. Đồng thời, đồng ý tiếp tục ủy quyền cho HĐQT Công ty: (1) điều chỉnh phương án liên quan đến các công trình khai thác nguồn nước và tuyến ống dẫn nước thô từ Sông Đà về khu xử lý nước của Dự án giai đoạn II nhằm mục tiêu tối ưu hóa hệ thống và không vượt Tổng mức đầu tư của Dự án đã được phê duyệt theo Quyết định số 02/2022/QĐ-HĐQT ngày 01/8/2022; (2) Quyết định, tổ chức triển khai, hoàn thiện phương án và phê duyệt

dự án giai đoạn II điều chỉnh (trên cơ sở chủ trương điều chỉnh phương án công trình khai thác nguồn nêu trên); và (3) các nội dung công việc khác trong quá trình triển khai, thực hiện Dự án giai đoạn II thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành. HĐQT Công ty có trách nhiệm báo cáo ĐHĐCĐ tại kỳ họp ĐHĐCĐ gần nhất về việc thực hiện các nội dung ủy quyền trên.

Đại hội đồng Cổ đông đã biểu quyết với kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần biểu quyết đồng ý là: **73.972.774** cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

4. Tờ trình số 106/2024/TTr-HĐQT ngày 28/3/2024 của Hội đồng quản trị về việc Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam;

Đại hội đồng Cổ đông thống nhất thông qua toàn văn Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam như đính kèm tại Tờ trình 106/2024/TTr-HĐQT ngày 28/3/2024 của Hội đồng quản trị Công ty.

Đại hội đồng Cổ đông đã biểu quyết với kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần biểu quyết đồng ý là: **73.972.774** cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

5. Tờ trình số 105/2023/TTr- BKS ngày 28/3/2024 của Ban kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.

Đại hội đồng Cổ đông thống nhất thông qua nội dung đề xuất tại Tờ trình số 105/2023/TTr-BKS ngày 28/3/2024 của Ban kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong các đơn vị kiểm toán dưới đây để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty:

- + Công ty TNHH KPMG Việt Nam;
- + Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
- + Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam;

Đại hội đồng Cổ đông đã biểu quyết với kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần biểu quyết đồng ý là: **73.972.774** cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

6. Tờ trình số 107/2024/TTr- HĐQT ngày 28/3/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về



tình hình chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023 và kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát 2024;

Đại hội đồng Cổ đông thống nhất thông qua nội dung đề xuất tại Tờ trình 107/2024/TTr-HĐQT ngày 28/3/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về tình hình chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023 và kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát 2024, cụ thể như sau:

Năm 2023: Thù lao HĐQT và BKS đã chi trả là: 2.640.000.000 đồng.

Trong đó:

HDQT là: 2.040.000.000 đồng/năm

BKS là: 600.000.000 đồng/năm

Năm 2024: Kế hoạch trả thù lao HĐQT, BKS: 2.640.000.000 đồng,

Trong đó:

Thù lao HĐQT là: 2.040.000.000 đồng

Chủ tịch HĐQT là: 50.000.000 đ/tháng.

Thành viên HĐQT (04 người): 30.000.000 đ/người/tháng.

Thù lao BKS: 600.000.000 đồng

Trưởng BKS: 30.000.000 đ/tháng

Thành viên BKS (02 người): 10.000.000 đ/người/tháng

Đại hội đồng Cổ đông đã biểu quyết với kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần biểu quyết đồng ý là: **73.972.774** cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;

- Tổng số cổ phần biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;

- Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

7. Tờ trình số 108/2024/TTr-HĐQT ngày 28/3/2024 của HĐQT Công ty về phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2024.

Đại hội đồng Cổ đông thống nhất thông qua nội dung đề xuất tại Tờ trình số 108/2024/TTr-HĐQT ngày 28/3/2024 của HĐQT Công ty về phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2024, cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Giá trị (vnd)
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính riêng tại 31/12/2022	587.919.445.792
2	Lợi nhuận đã phân phối theo Nghị quyết 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2023 (chi trả cổ tức đợt 2 tỷ lệ 5% đối với lợi nhuận năm 2022 (01 cổ phiếu được nhận 500 đồng)	37.500.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2023	34.044.845.279
4	Tổng nguồn phân phối lợi nhuận cho năm 2023 (4)=(1)-	584.464.291.071

	(2)+(3)	
5	Lợi nhuận đề nghị phân phối	37.500.000.000
	Trong đó:	
	<i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	0
	<i>Cổ tức năm 2023 bằng tiền (tỷ lệ 5% (01 cổ phiếu được nhận 500 đồng)) (*)</i>	37.500.000.000
6	Lợi nhuận để lại sau phân phối (6)=(4)-(5)	546.964.291.071
7	Kế hoạch chi trả cổ tức 2024	0

Đại hội đồng Cổ đông đã biểu quyết với kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần biểu quyết đồng ý là: **73.972.774** cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

8. Báo cáo ngày ngày 28/3/2024 của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2023:

Đại hội đồng Cổ đông thống nhất thông qua toàn văn Báo cáo ngày ngày 28/3/2024 của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2023;

Đại hội đồng Cổ đông đã biểu quyết với kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần biểu quyết đồng ý là: **73.972.774** cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

V. Thông qua Dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội

1. Bà Đinh Thị Thùy Dương – thay mặt Đoàn Thư ký trình bày trước Đại hội nội dung Dự thảo Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội.
2. Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua nội dung của Dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội bằng hình thức biểu quyết theo phiếu biểu quyết.

Đại hội đồng Cổ đông đã biểu quyết thông qua với kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần biểu quyết đồng ý là: **73.972.774** cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội;
- Tổng số cổ phần biểu quyết không có ý kiến là 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

VI. PHẦN THỨ NĂM – CÁC THỦ TỤC KẾT THÚC ĐẠI HỘI:

- Ông Lê Văn Thăng phát biểu tuyên bố bế mạc Đại hội vào hồi 11h00 ngày 23/4/2024.

Nơi nhận:

- Các Cổ đông Công ty;
- Các TV HĐQT, Ban KS, Ban GD;
- Website Công ty;
- Lưu HĐQT, TCHC.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



LÊ VĂN THĂNG

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Đinh Thị Thùy Dương



Trần Minh Nghĩa

Số: 102 /2024/BC-HĐQT

Hoà Bình, ngày 28 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2023 & KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2024 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (“**Công ty**”/“**Viwasupco**”) báo cáo kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty, cụ thể như sau:

Trong năm 2023, Công ty có hai mảng hoạt động chính là: (1) Vận hành sản xuất, kinh doanh bán buôn nước sạch của giai đoạn I của Dự án với công suất 300.000m³/ngđ và (2) Công tác đầu tư triển khai đầu tư Giai đoạn 2 Dự án Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị “Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông” nâng công suất lên 600.000m³/ngđ (“**Dự án giai đoạn II**”) và các Dự án tuyến ống cấp II.

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2023

1. Một số điểm trong bối cảnh thực hiện công tác sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2023

- Trong năm 2023, tình hình biến đổi khí hậu dẫn đến dòng chảy trên lưu vực Sông Đà và mực nước Hồ thủy điện Hòa Bình tiếp tục xuống thấp, nhiều thời điểm trong năm không đủ lượng nước cho sản xuất. Công ty đã đầu tư trạm bơm khẩn cấp đầu kênh lấy nước từ giữa lòng Sông Đà bơm vào kênh dẫn hiện có để duy trì sản xuất của nhà máy.
- Việc cải tạo thay thế máy bơm của trạm bơm sông, hồ đưa vào sử dụng tháng 5/2023 kịp thời để nâng được công suất sản xuất nước của nhà máy phục vụ xúc xả tuyến ống giai đoạn 2 hoàn thành đúng tiến độ. Kết hợp với việc đưa tuyến ống giai đoạn 2 vào vận hành đã nâng cao khả năng cấp nước an toàn của Nhà máy.
- Các hoạt động xây dựng nằm trong lưu vực hồ Đầm Bài vẫn tiếp tục bị xâm phạm, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn về nguồn nước thô.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính về sản xuất kinh doanh năm 2023:

trước tình hình bối cảnh như trên, bằng sự đoàn kết, tập trung phấn đấu cao của toàn bộ các cán bộ công nhân viên trong Công ty, năm 2023 vừa qua, Công ty đã thực hiện sản xuất nước an toàn, hiệu quả và bám sát kế hoạch năm 2023 và đạt được một số kết quả như sau:

2.1. Các chỉ tiêu chủ yếu.



STT	Khoản mục	Đ.vị	Kế hoạch Năm 2023	Thực hiện Năm 2023	Tỷ lệ % TH/KHN
1	Tổng sản lượng nước	m ³	109.636.785	111.858.642	102%
2	Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh	Tỷ đ	563,990	573,503	102%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đ	54,379	34,045	63%

(Số liệu trong bảng trên được lấy theo báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán).

2.2. Đánh giá chung kết quả đạt được trong SXKD.

Sản lượng nước sạch cung cấp cho khách hàng trung bình ngày năm 2023 là: 306.462 m³/ngđ (đạt 111.858.642 m³), đạt 102% so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận sau thuế của năm 2023 đạt 34,045 tỷ, đạt 63% so với kế hoạch đầu năm đề ra (34,045 tỷ/ 54,379 tỷ). Lợi nhuận thực hiện năm 2023 giảm so với kế hoạch nguyên nhân chủ yếu là do Công ty ghi nhận một số chi phí đã thực hiện dự án Giai đoạn II vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

3. Công tác điều hành trong năm 2023.

3.1. Công tác Tổ chức - quản trị, hành chính - nhân sự, đào tạo và chăm lo đời sống cho người lao động.

- Số lượng cán bộ, nhân viên : Tính đến 31/12/2023 công ty có 147 CBCNV với mức lương trung bình năm 2023 là 21 triệu vnd.
- Năm 2023 Công ty tổ chức 02 khóa đào tạo liên quan đến phòng cháy chữa cháy và an toàn lao động với tổng số lượng CBNV tham gia là 250 lượt người tham dự.
- Đảm bảo việc chi trả lương cho người lao động đúng thời gian và theo đúng Nghị quyết, quyết định, quy chế tiền lương của Công ty và Quỹ lương được thực hiện theo đúng kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được phê duyệt. Giải quyết đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động trong Công ty;
- Làm tốt công tác tổ chức, sắp xếp, điều động nội bộ, giới thiệu bổ nhiệm, miễn nhiệm và công tác tuyển dụng nhân sự mới để bổ sung cho các Ban nghiệp vụ, Nhà máy, Ban QLDA còn thiếu nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu công việc được giao. Tiếp tục thực hiện công tác tinh giản bộ máy quản lý và sản xuất trực tiếp theo hướng gọn nhẹ, nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.
- Rà soát và điều chỉnh một số quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

3.2. Công tác Sản xuất của Công ty.

Trong năm qua, công tác truyền tải, sản xuất, phân phối nước tại các Trạm bơm, tuyến ống hầu hết đều không vượt kế hoạch năm 2023 do mực nước đầu nguồn thấp, Nhà máy đã vận hành hết công suất thiết kế. Công tác an ninh, an toàn trong sản xuất, truyền tải nước sạch được đảm bảo, cụ thể:

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Hoàn thành (%)
1	Tổng sản lượng sản xuất (m ³)	110.733.153	113.345.304	102
2	Bình quân ngày đêm (m ³ /ngđ)	303.379	310.535	102

Đối với công tác cấp nước an toàn, Công ty đã triển khai quyết liệt, đồng bộ có hiệu quả các giải pháp chính như sau:

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp tăng cường công tác đảm bảo an ninh nguồn nước của Nhà máy Sông Đà như: Duy trì đảm bảo Camera giám sát An ninh giám sát toàn bộ các khâu thiết yếu của Nhà máy, bổ sung nâng cấp các Camera tại Bể chứa trung gian và Khu xử lý bùn; Đảm bảo hoạt động của Hệ thống quan trắc tự động nước thô đầu vào, nước thải và nước sạch sau xử lý kết nối với sở Sở Tài nguyên Môi trường Hòa Bình & sở TNMT thành phố Hà Nội theo quy định, có trích xuất dữ liệu nước sạch sau xử lý cho các khách hàng cùng theo dõi, giám sát chất lượng nước; Hoàn thành gần như toàn bộ hàng rào bảo vệ kênh dẫn Trạm bơm nước Sông; tăng cường công tác bảo vệ kiểm tra kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hoạt động xây dựng, các nguồn xả thải có nguy cơ ảnh hưởng tới an ninh nguồn nước;
- Công tác tuần tra, kiểm tra giám sát đảm bảo an ninh trật tự, an ninh nguồn nước được duy trì 24/24, mọi tình huống luôn được kiểm soát giám sát từ xa, nên không bị động; Công tác tầm soát, kiểm tra chất lượng nước các công đoạn sản xuất được duy trì đảm bảo theo quy định, chất lượng nước sản xuất ra đạt Quy chuẩn QCVN 01-1:2018/BYT;
- Công tác bảo trì, bảo dưỡng sửa chữa, kiểm tra vận hành máy móc thiết bị các bộ phận, trạm đội sản xuất được điều phối vận hành nhịp nhàng đảm bảo an toàn sản xuất, không xảy ra sự cố thiết bị do lỗi người vận hành. Năm 2023 không xảy ra sự cố lớn đối với các thiết bị chính như bơm, biến tần, hệ thống điện;
- Tại các thời điểm cực đoan trong năm 2023, mực nước trên Sông Đà tại vị trí đầu kênh dẫn nước sông xuống dưới mực nước thiết kế, Nhà máy đã chủ động đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành Trạm bơm khẩn cấp từ đầu năm 2023.
- Hoàn thành công tác cải tạo Trạm bơm sông, Trạm bơm hồ;
- Chuẩn bị đầy đủ các nguồn lực về con người, vật tư, thiết bị dự phòng nhằm đảm bảo công tác sản xuất được an toàn, ổn định, liên tục cũng như khắc phục các sự cố (nếu có).

3.3. Công tác kinh doanh, phát triển thị trường và chăm sóc khách hàng.

Do Nhà máy nước Sông Đà đã vận hành hết công suất thiết kế, trong khi đó nhu cầu tiêu thụ của các khách hàng ngày càng lớn. Trong quý IV/2023, Công ty đã đưa vào vận hành Hạng mục khu xử lý bùn, đáp ứng phần nào nhu cầu tối thiểu của Khách hàng.

Với sự chỉ đạo sát sao của HĐQT và Ban Giám đốc, hoạt động kinh doanh của Công ty đã đạt được một số kết quả trong năm 2023 như sau:

Stt	Nội dung	Sản lượng tiêu thụ (m ³)	Bình quân ngày đêm (m ³ /ngày)
1	Kế hoạch năm 2023	109.636.785	300.375
2	Kết quả thực hiện năm 2023	111.858.642	306.462
3	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch %	102,03%	102,03%

- Tổng sản lượng tiêu thụ nước sạch năm 2023 đạt 111.858.462 m³, tương đương 306.462 m³/ngày đêm, tăng 4,87 % so với sản lượng năm 2022 (đạt 106,661,044 m³ tương đương 292.222 m³/ ngày đêm) và tăng 2,03% so với kế hoạch 2023.
- Công ty đã phối hợp hiệu quả với các khách hàng: Công ty Cổ phần VIWACO, Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông, Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội, Công ty Cổ phần Nước sạch Tây Hà Nội, Công ty TNHH Đồng Tiến Thành

Thủ đô, Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ địa chất, Công ty Cổ phần Sản xuất & Thương mại Ngọc Hải nhằm cung cấp nước sạch ổn định, an toàn để khách hàng sử dụng tối đa nguồn nước sạch Sông Đà cung cấp;

- Thường xuyên liên hệ nắm bắt tình hình hoạt động của khách hàng, khảo sát và đánh giá nhu cầu sử dụng nước của khách hàng cũng như đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao sản lượng tiêu thụ nước sạch của khách hàng;
- Thông báo kịp thời tới khách hàng các thông tin cam kết như kế hoạch vận hành cấp nước, dừng cấp nước, chất lượng nước;
- Thông tin và phản hồi kịp thời các vấn đề của khách hàng trong quá trình cung cấp dịch vụ cấp nước cũng như phối hợp chặt chẽ xử lý khi có sự cố xảy ra.

3.4. Công tác tài chính kế toán.

- Hoàn hành công tác trả nợ vốn vay hai cổ đông lớn với tổng số tiền là 317 tỷ đồng
- Thực hiện chi trả cổ tức 10% bằng tiền mặt (trong đó 5% phần còn lại của năm 2022 và tạm ứng 5% của năm 2023);
- Ký kết hợp đồng cấp vốn cho Dự án tuyến ống cấp II đường 3.5
- Chuẩn bị hồ sơ phục vụ công tác xây dựng phương án giá nước cho các năm tiếp theo.
- Đảm bảo dòng tiền phục vụ công tác sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty.

3.5. Công tác triển khai đầu tư Dự án hệ thống cấp nước Chuỗi đô thị Sơn Tây-Hòa Lạc-Xuân Mai- Miếu Môn- Hà Nội- Hà Đông giai đoạn 2 nâng công suất lên 600.000 m³/ngđ (Dự án Giai đoạn II).

3.5.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu theo kế hoạch đầu tư năm 2023 được phê duyệt:

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Danh mục	KH 2023	Thực hiện năm 2023	
			Giá trị	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A	Dự án Giai đoạn II	1.234,11	633,211	51,31%
B	Dự án tuyến ống cấp II đường Vành đai 3,5	437,80	393,401	89,86%
C	Dự án tuyến ống cấp II đường Lương Thế Vinh	84,82	101,21	119,3%
D	Dự án đấu nối tuyến ống cơ sở 1&2 của Công ty Nước sạch Hà Đông	35,55	0,607	1,72%
E	Dự án tuyến ống truyền dẫn nước sạch số 2 kéo dài	54,49	-	-
F	Chi phí Ban Quản lý Dự án	16,35	7,99	48,86%
	TỔNG CỘNG MỤC A, B, C,D,E, F	1.863,12	1.136,42	61%

3.5.2. Kết quả triển khai thực hiện các công tác đầu tư chính:

3.5.2.1. Dự án đầu tư hệ thống cấp nước sông Đà giai đoạn II:

Giá trị giải ngân đầu tư đến hết năm 2023 là: 633,21 tỷ đồng/ 1.233,52 tỷ đồng, đạt 51,31% kế hoạch được giao; Tính đến hết năm 2023 là: 2.838,275 tỷ đồng. Kết quả thực hiện đầu tư Dự án giai đoạn II trong năm 2023 cụ thể như sau:

Đối với tuyến ống 40 km: Đã thực hiện quyết toán vốn đầu tư cho Hạng mục 40 km tuyến ống từ Khu xử lý đến Trạm điều tiết Tây Mỗ (Km7 +800), đưa tuyến ống đi vào vận hành;

Đối với công tác triển khai điều chỉnh phương án công trình nguồn: Trong năm 2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình vẫn đang xem xét và chưa có Quyết định phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án. Dự kiến trong đầu Quý II/2024, UBND tỉnh Hòa Bình sẽ có Quyết định phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư. Trên cơ sở đó Công ty sẽ triển khai thực hiện theo kế hoạch đề ra.

Đối với hạng mục khu xử lý nước: Trong năm 2023, đã hoàn thành công tác thẩm định thiết kế xây dựng bản vẽ thi công Nhà máy nước sạch (Khu xử lý) giai đoạn II theo văn bản số 273/HTKT của Cục Hạ tầng kỹ thuật - Bộ Xây dựng ngày 28/4/2023. Tuy nhiên công tác triển khai các công việc tiếp theo cần một số điều chỉnh để phù hợp với công trình khai thác nguồn nước mới trong năm 2024.

3.5.2.2. Dự án đầu tư phát triển mạng lưới truyền tải cấp 2 hệ thống cấp nước sông Đà (Dự án tuyến ống cấp 2 đường Vành đai 3.5):

Giá trị giải ngân đầu tư năm 2023: 393,401 tỷ đồng/ 438,386 tỷ đồng, đạt 89,86% kế hoạch năm 2023 được giao. Tính đến hết năm 2023 đạt: 395,93 tỷ đồng. tương ứng 395,93 đồng/421,440 tỷ đồng đạt 93,95% giá trị quyết toán vốn đầu tư dự án

Năm 2023, Công ty đã hoàn thành công tác đầu tư/quyết toán vốn đầu tư dự án. Công tác giải ngân của Dự án trong năm 2023 cơ bản đạt kế hoạch.

3.5.2.3. Dự án đầu tư phát triển mạng lưới truyền tải cấp 2 số 1 - Hệ thống cấp nước sông Đà (Dự án tuyến ống cấp 2 đường Lương Thế Vinh):

Giá trị giải ngân đầu tư trong năm 2023 là: 101,21 tỷ đồng/ 84,816 tỷ đồng, đạt 119,3% kế hoạch năm 2023 được giao. Tính đến hết năm 2023 đạt: 103,906 tỷ đồng/111,105 tỷ đồng đạt 93,52% giá trị quyết toán vốn đầu tư dự án.

Năm 2023, Công ty đã hoàn thành công tác đầu tư/quyết toán vốn đầu tư dự án. Công tác giải ngân của Dự án trong năm 2023 vượt kế hoạch được giao.

3.5.2.4 Dự án tuyến ống đấu nối cơ sở 1&2 Công ty Nước sạch Hà Đông:

Trong năm 2023, Dự án đã được UBND Thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư tại Văn bản số 2459/UBND – ĐT ngày 08/8/2023; Công ty đã hoàn thành công tác phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Dự án. Dự kiến trong năm 2024 sẽ tiến hành triển khai thực hiện công tác đầu tư.

3.5.2.4. Dự án tuyến ống truyền tải nước sạch số 2 kéo dài:

Dự án vẫn đang tiếp tục được theo dõi để thực hiện triển khai thực hiện khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2024

Với những thuận lợi và khó khăn chung của các đơn vị sản xuất, kinh doanh nước sạch trên địa bàn Thành phố, trên cơ sở thực tế triển khai đầu tư Dự án Nước sạch Sông Đà

Giai đoạn II, hệ thống tuyến ống truyền tải Cấp II, cùng với việc thực hiện quyết liệt các biện pháp đã triển khai có hiệu quả trong năm 2023 nhằm tăng cường hơn nữa công tác quản lý, nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm chi phí, tăng lợi nhuận và doanh thu cho Công ty. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2024 của Công ty như sau:

1. Các chỉ tiêu chính về sản xuất kinh doanh.

STT	Khoản mục	Đ.vị	Kế hoạch Năm 2024
1	Tổng sản lượng nước	Triệu m ³	115,34
2	Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh	Tỷ VNĐ	592,09
3	Chi phí	Tỷ VNĐ	690,39
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ VNĐ	(98,30)

Ghi chú: Do năm 2024, tuyến ống 40km và một số tuyến cấp II đã hoàn thành đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động, chi phí khấu hao và lãi vay tăng lên, dẫn đến kế hoạch lợi nhuận năm 2024 giảm.

2. Các nội dung và chỉ tiêu chính về đầu tư.

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Phương án nguồn vốn	Kế hoạch chi phí (Mức đầu tư) năm 2024 (Tỷ VNĐ)
1	Dự án nước sạch Sông Đà giai đoạn II	Vốn vay và vốn tự có	1.347,36
2	Mạng lưới tuyến ống Cấp II	Vốn vay và vốn tự có	60,06
3	Chi phí Ban quản lý	Vốn vay và vốn tự có	6,569
	Cộng (1) + (2) +(3)		1.413,99

III. ĐỀ XUẤT:

Hội đồng quản trị Công ty kính đề nghị ĐHĐCĐ xem xét thông qua:

- Kết quả sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2023;
- Các chỉ tiêu chính của kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 như nêu tại Mục 1 phần II của Báo cáo này;
- Các chỉ tiêu chính về đầu tư năm 2024 như nêu tại Mục 2 Phần II của báo cáo này.
- Giao và ủy quyền cho HĐQT căn cứ vào tình hình thực tế xem xét điều chỉnh các chỉ tiêu chính về sản xuất kinh doanh và đầu tư của công ty năm 2024 cho phù hợp (nếu cần).

Kính báo cáo và kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCHC.



Lê Văn Thăng

Số: 103/2024/BC-HĐQT

Hòa Bình, ngày 28 tháng 03 năm 2024

**HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2024**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà

Trong năm 2023, bên cạnh một số thuận lợi nhất định, Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (“**Công ty**”) vẫn tiếp tục đối mặt với những khó khăn thách thức như (1) Trong năm 2023, tình hình biến đổi khí hậu dẫn đến dòng chảy trên lưu vực Sông Đà và mực nước Hồ thủy điện Hòa Bình xuống thấp, nhiều thời điểm trong năm không đủ lượng nước cho sản xuất. Công ty đã đầu tư trạm bơm khẩn cấp đầu kênh lấy nước từ giữa lòng Sông Đà bơm vào kênh dẫn hiện có để duy trì sản xuất của nhà máy; (2) các hoạt động xây dựng nằm trong lưu vực hồ Đầm Bài vẫn tiếp tục bị xâm phạm, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn về nguồn nước thô. Nhưng với sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của Hội đồng quản trị Công ty, Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện, hoàn thành tốt các nhiệm vụ và Nghị quyết của Đại hội Cổ đông thường niên năm 2023 đề ra. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị không ngừng phát huy năng lực, trách nhiệm, ý thức chấp hành pháp luật, thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn trong công tác quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) Công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) về công tác quản trị, kết quả hoạt động năm 2023 và kế hoạch công tác năm 2024 của HĐQT như sau:

I. Kết quả công tác quản trị điều hành năm 2023

Với vai trò là cơ quan quản lý của Công ty, trong nhiệm kỳ các thành viên HĐQT Công ty đã tích cực phối hợp làm việc trên tinh thần trách nhiệm cao để định hướng, chỉ đạo, giám sát... đưa ra những quyết định kịp thời mang tính hiệu quả; Triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của ĐHĐCĐ và hỗ trợ Ban Giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư dự án, hoạt động quản trị của Công ty, kết quả đạt được của năm 2023 với các chỉ tiêu chính về sản xuất kinh doanh và đầu tư như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Khoản mục	Đ.vị	Kế hoạch Năm 2023	Thực hiện Năm 2023	Tỷ lệ % TH/KHN
1	Tổng sản lượng nước	m ³	109.636.785	111.858.642	102%
2	Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh	Tỷ vnd	563,990	573,503	102%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ vnd	54,379	34,045	63%
4	Công tác đầu tư	Tỷ vnd	1.863,12	1.136,42	61%



- Sản lượng nước sạch cung cấp cho khách hàng trung bình ngày năm 2023 là: 306.462 m³/ngđ (đạt 111.858.642 m³), đạt 102% so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận sau thuế của năm 2023 đạt 34,045 tỷ, đạt 63% so với kế hoạch đầu năm đề ra (34,045 tỷ/ 54,379 tỷ). Lợi nhuận thực hiện năm 2023 giảm so với kế hoạch nguyên nhân chủ yếu là do Công ty ghi nhận một số chi phí đã thực hiện dự án Giai đoạn II vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.
- Công tác đầu tư của công ty năm 2023 cơ bản đạt kế hoạch về tiến độ khi một loạt các gói thầu, hạng mục của Dự án giai đoạn II và các Dự án tuyến ống cấp II đã hoàn thành và đi vào hoạt động. Tuy nhiên, kế hoạch giải ngân trong công tác đầu tư chưa thực hiện được theo kế hoạch đề ra, nguyên nhân chính do: Công tác điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Giai đoạn II vẫn đang được sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình xem xét và chưa có quyết định phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án. Dự kiến trong đầu Quý II/2024, UBND tỉnh Hòa Bình sẽ có Quyết định phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư, trên cơ sở đó Công ty sẽ triển khai thực hiện theo kế hoạch đề ra.

II. HĐQT đánh giá trong từng mặt hoạt động của Công ty như sau:

1. Công tác tổ chức, lãnh đạo, giám sát chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh:

- HĐQT Công ty luôn bám sát, chỉ đạo đối với Ban Giám đốc, các bộ phận chức năng, nghiệp vụ thông qua các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
- Giúp ban điều hành chủ động, kịp thời trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư đảm bảo hiệu quả kinh tế và nâng cao vai trò, trách nhiệm của cá nhân được giao, đặc biệt là đối với người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- HĐQT luôn bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ để chỉ đạo chặt chẽ các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty, đảm bảo thực hiện đúng quy định của Nhà nước và pháp luật.

2. Về công tác sản xuất kinh doanh của Công ty:

HĐQT đã chỉ đạo Công ty thực hiện tốt các nhiệm vụ trong Kế hoạch sản xuất kinh doanh được ĐHĐCĐ phê duyệt với các chỉ tiêu chủ yếu Công ty đạt được trong nhiệm kỳ như sau:

Chỉ tiêu (tỷ VNĐ)	TH.2022	KH 2023	TH.2023	% TH 2023/TH 2022	% TH/KH 2023
Doanh thu	548,915	563,990	573,503	104%	102%
Giá vốn	259,727	369,591	391,519	151%	106%
Lợi nhuận gộp	289,188	194,400	181,984	63%	94%
% Lợi nhuận gộp/ doanh thu	52,68%	34,47%	31,73%	60%	92%
Lợi nhuận trước thuế	212,057	57,241	38,559	18%	67%
% Lợi nhuận trước thuế/ doanh thu	38,63%	10,15%	6,72%	17%	66%

Với kết quả đạt được như trên, có thể thấy lợi nhuận năm 2023 giảm so với năm 2022 là 82% và đạt 67% so với kế hoạch năm 2023. Nguyên nhân chính là do trong năm Công ty đã đưa tuyến ống truyền tải số 2 dài 40km đi vào hoạt động.

Bên cạnh Công tác điều hành chung về các mặt như: Tổ chức, hành chính nhân sự, vận hành sản xuất, quản trị nội bộ, tài chính kế toán, kinh doanh & phát triển thị trường đã được thực hiện, triển khai đầy đủ theo quy định của Pháp luật, quy trình quản lý nội bộ của Công ty, Công ty đã có nhiều giải pháp ứng phó kịp thời để đảm bảo công tác sản xuất và cấp nước an toàn, liên tục trước khó khăn về mực nước Sông Đà xuống thấp trong năm 2023 vừa qua.

3. Công tác giám sát tài chính

Chỉ đạo Ban Giám đốc Công ty làm tốt công tác thu xếp vốn, cân đối dòng tiền để đảm bảo chi phí mua vật tư phục vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư Dự án Nước sạch Sông Đà Giai đoạn II và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với nhà nước.

4. Công tác đầu tư:

Trong năm 2023, chỉ tiêu đầu tư của Công ty đạt như sau:

TT	Danh mục	KH 2023	Thực hiện năm 2023	
			Giá trị	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A	Dự án Giai đoạn II	1.234,11	633,211	51,31%
B	Dự án tuyến ống cấp II đường Vành đai 3,5	437,80	393,401	89,86%
C	Dự án tuyến ống cấp II đường Lương Thế Vinh	84,82	101,21	119,3%
D	Dự án đấu nối tuyến ống cơ sở 1&2 của Công ty Nước sạch Hà Đông	35,55	0,607	1,72%
E	Dự án tuyến ống truyền dẫn nước sạch số 2 kéo dài	54,49	-	-
F	Chi phí Ban Quản lý Dự án	16,35	7,99	48,86%
	TỔNG CỘNG MỤC A, B, C,D,E,F	1.863,12	1.136,42	61%

Tình hình triển khai cụ thể một số Dự án chính của Công ty được tóm tắt như sau:

4.1. Dự án đầu tư tuyến ống Giai đoạn II:

Trong năm 2023, Giá trị giải ngân đầu tư tính đến hết năm 2023 của Giai đoạn II là: 633,21 tỷ đồng/ 1.233,52 tỷ đồng, đạt 51,31% kế hoạch được giao; Tính đến hết năm 2023 là: 2.838,275 tỷ đồng. Kết quả thực hiện đầu tư Dự án giai đoạn II trong năm 2023 cụ thể như sau:

Đối với tuyến ống 40 km: Đã thực hiện quyết toán vốn đầu tư cho Hạng mục 40 km tuyến ống từ Khu xử lý đến Trạm điều tiết Tây Mỗ (Km7 +800), đưa tuyến ống đi vào vận hành;

Đối với công tác triển khai điều chỉnh phương án công trình nguồn: Trong năm 2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình vẫn đang xem xét và chưa có Quyết định phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án. Dự kiến trong đầu Quý II/2024, UBND

tỉnh Hòa Bình sẽ có Quyết định phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư. Trên cơ sở đó Công ty sẽ triển khai thực hiện theo kế hoạch đề ra.

Đối với hạng mục khu xử lý nước: Trong năm 2023, đã hoàn thành công tác thẩm định thiết kế xây dựng bản vẽ thi công Nhà máy nước sạch (Khu xử lý) giai đoạn II theo văn bản số 273/HTKT của Cục Hạ tầng kỹ thuật - Bộ Xây dựng ngày 28/4/2023. Tuy nhiên công tác triển khai các công việc tiếp theo cần một số điều chỉnh để phù hợp với công trình khai thác nguồn nước mới trong năm 2024.

4.2. Dự án đầu tư phát triển mạng lưới truyền tải cấp 2 hệ thống cấp nước sông Đà (Dự án tuyến ống cấp 2 đường Vành đai 3.5):

Giá trị giải ngân đầu tư năm 2023: 393,401 tỷ đồng/ 438,386 tỷ đồng, đạt 89,86% kế hoạch năm 2023 được giao. Tính đến hết năm 2023 đạt: 395,93 tỷ đồng. tương ứng 395,93 đồng/421,440 tỷ đồng đạt 93,95% giá trị quyết toán vốn đầu tư dự án

Năm 2023, Công ty đã hoàn thành công tác đầu tư/quyết toán vốn đầu tư dự án. Công tác giải ngân của Dự án trong năm 2023 cơ bản đạt kế hoạch.

4.3. Dự án đầu tư phát triển mạng lưới truyền tải cấp 2 số 1 - Hệ thống cấp nước sông Đà (Dự án tuyến ống cấp 2 đường Lương Thế Vinh):

Giá trị giải ngân đầu tư trong năm 2023 là: 101,21 tỷ đồng/ 84,816 tỷ đồng, đạt 119,3% kế hoạch năm 2023 được giao. Tính đến hết năm 2023 ước đạt: 103,906 tỷ đồng/111,105 tỷ đồng đạt 93,52% giá trị quyết toán vốn đầu tư dự án.

Năm 2023, Công ty đã hoàn thành công tác đầu tư/quyết toán vốn đầu tư dự án. Công tác giải ngân của Dự án trong năm 2023 vượt kế hoạch được giao.

4.4. Dự án tuyến ống đầu nối cơ sở 1&2 Công ty Nước sạch Hà Đông:

Trong năm 2023, Dự án đã được UBND Thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư tại Văn bản số 2459/UBND – ĐT ngày 08/8/2023; Công ty đã hoàn thành công tác phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Dự án. Dự kiến trong năm 2024 sẽ tiến hành triển khai thực hiện công tác đầu tư.

4.5. Dự án tuyến ống truyền tải nước sạch số 2 kéo dài:

Dự án vẫn đang tiếp tục được theo dõi để thực tiến hành triển khai thực hiện khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận

5. Thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm của công ty đại chúng và quan hệ với Cổ đông.

Công ty luôn tuân thủ đúng, đầy đủ và kịp thời việc cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng như: Báo cáo tài chính, báo cáo về chốt danh sách cổ đông, thay đổi nhân sự chủ chốt, ... cũng như theo yêu cầu cung cấp thông tin của các quý cổ đông.

Danh sách Người có liên quan và các lợi ích có liên quan theo quy định tại Khoản 4 Điều 164 Luật doanh nghiệp đã được công ty công bố tại Báo cáo quản trị Công ty năm 2023 số 30/2024/BC-VIWASUPCO ngày 18/1/2024.

6. Thù lao, chi phí hoạt động, các lợi ích khác của HĐQT, thành viên HĐQT năm 2023.

- Thù lao của Hội đồng quản trị năm 2023 là: 2.040.000.000 đồng.
- Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 là: 137.002.221 đồng.

7. Tổng kết các cuộc họp, nghị quyết, quyết định của HĐQT năm 2023:

- Trong năm 2023, HĐQT Công ty tổ chức 5 cuộc họp trực tiếp.
- Ban hành tổng số: 15 nghị quyết và 05 quyết định (Theo cả hình thức họp trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản) theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

8. Báo cáo các giao dịch với bên có liên quan theo quy định của pháp luật thuộc thẩm quyền của HĐQT năm 2023: Không có

III. Đánh giá của HĐQT về Kết quả giám sát về tình hình thực hiện nhiệm vụ của Ban Giám đốc Công ty trong nhiệm kỳ.

- Ban Giám đốc Công ty luôn sâu sát trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư; Chấp hành tốt các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của ĐHĐCĐ; Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, cụ thể:
- + Tổ chức thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023;
- + Trong điều kiện thị trường sản xuất và kinh doanh nước sạch ngày càng bị cạnh tranh do xuất hiện các nhà đầu tư mới, đường ống truyền tải nước sạch giai đoạn 1 đang xuống cấp, mực nước trên Sông Đà xuống thấp..., Ban Giám đốc đã chủ động, tích cực trong việc tìm các phương án phòng ngừa/khắc phục sự cố tuyến ống, phối hợp với Nhà máy thủy điện Sông Đà/ Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc Gia (A0), Tập đoàn điện lực Việt Nam để điều tiết mực nước. Đồng thời, thực hiện công tác đầu tư trạm bơm khẩn cấp, cải tạo Trạm bơm sông, Trạm bơm Hồ và đã đưa vào vận hành các hạng mục này từ đầu năm 2023, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ cũng như sản lượng nước sản xuất hàng năm, đảm bảo an toàn cấp nước cho người dân Thành phố Hà Nội, củng cố và mở rộng địa bàn cấp nước của Công ty.
- Ban Giám đốc Công ty thường xuyên, kịp thời đưa ra những đề xuất lên HĐQT, đồng thời kiến nghị các giải pháp phù hợp nhằm tăng cường hiệu quả quản lý tài chính, tiết kiệm chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí quản lý đầu tư; làm tốt công tác quan hệ, hợp tác với cổ đông; Công bố thông tin định kỳ theo đúng quy định pháp luật.

*** Kết luận:** Qua quá trình giám sát, HĐQT nhận thấy Ban Giám đốc Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Công ty, kịp thời thông tin, báo cáo và điều chỉnh các hoạt động sản xuất kinh doanh/đầu tư phù hợp với thực tế và yêu cầu của HĐQT Công ty.

IV. Một số nhiệm vụ điều hành trọng tâm của HĐQT năm 2024

Căn cứ vào tình hình thực tế hiện nay của Công ty, với ý thức, trách nhiệm trước cổ đông, HĐQT Công ty đã thống nhất tập trung chỉ đạo và xác định một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2024 như sau:

1. Về công tác sản xuất kinh doanh:

- Tăng cường công tác quản trị, đề ra các chiến lược và giải pháp chỉ đạo, giám sát, điều hành hoạt động SXKD của Công ty, phân đầu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 với một số chỉ tiêu chính sau:

STT	Khoản mục	Đ.vị	Kế hoạch Năm 2024
1	Tổng sản lượng nước	m ³	115,34
2	Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh	Tỷ VNĐ	592,09
3	Chi phí	Tỷ VNĐ	690,39
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ VNĐ	(98,30)

Ghi chú: Ghi chú: Do năm 2024, tuyến ống 40km và một số tuyến cấp II đã hoàn thành đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động, chi phí khấu hao và lãi vay tăng lên, dẫn đến kế hoạch lợi nhuận năm 2024 giảm.

2. Về công tác đầu tư.

Hội đồng quản trị sẽ quyết liệt chỉ đạo Ban Giám đốc triển khai, tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác đầu tư, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các Dự án/hạng mục, cụ thể với một số nội dung và chỉ tiêu chính như sau:

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Phương án nguồn vốn	Kế hoạch chi phí (Mức đầu tư) năm 2024 (10 ⁹)
1	Dự án nước sạch Sông Đà giai đoạn II	Vốn vay và vốn tự có	1.347,36
2	Mạng lưới tuyến ống Cấp II	Vốn vay và vốn tự có	60,06
3	Chi phí Ban quản lý	Vốn vay và vốn tự có	6,569
	Cộng (1) + (2) +(3)		1.413,99

HĐQT xin trân trọng báo cáo ĐHCĐ về công tác quản trị, kết quả hoạt động năm 2023 và kế hoạch công tác năm 2024 của HĐQT.

Kính trình ĐHCĐ xem xét thông qua.



LÊ VĂN THĂNG

Số: 104/2024/BC-HĐQT

Hoà Bình, ngày 28 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO

“V/v: Thực hiện các nội dung ủy quyền của Đại hội đồng Cổ đông cho Hội đồng quản trị”

Căn cứ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần đầu tư nước sạch Sông Đà (“Công ty”) đã được Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thông qua ngày 25/4/2023;

Căn cứ quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty đã được ĐHCĐ thông qua ngày 25/4/2023 và được ban hành theo Quyết định số 01/2023/QĐ-CT.HĐQT của Chủ tịch HĐQT ngày 25/4/2023;

Căn cứ các Nghị quyết ĐHCĐ và HĐQT có liên quan;

HĐQT xin được báo cáo ĐHCĐ thường niên năm 2024 một số nội dung được ĐHCĐ ủy quyền đã thực hiện trong năm 2023 và đang tiếp tục triển khai như sau:

I. Các nội dung ủy quyền liên quan đến đầu tư Dự án đầu tư Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị “Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông” nâng công suất lên 600.000m3/ngđ (“Dự án giai đoạn II”).

Thực hiện Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHCĐ ngày 25/4/2023 của ĐHCĐ Công ty về việc ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm ĐHCĐ được pháp luật/Điều lệ Công ty quy định liên quan đến việc triển khai đầu tư, thực hiện Dự án giai đoạn II điều chỉnh cũng như ủy quyền cho HĐQT thực hiện một số các nội dung khác liên quan đến Dự án giai đoạn II.

Cụ thể, về việc điều chỉnh phương án liên quan đến các công trình khai thác nguồn nước và tuyến ống dẫn nước thô từ sông Đà về khu xử lý nước của Dự án giai đoạn II cũng như việc phê duyệt Dự án giai đoạn II điều chỉnh (trên cơ sở chủ trương điều chỉnh phương án nêu trên). Trong năm 2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình vẫn đang xem xét và chưa có Quyết định phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án. Dự kiến trong đầu quý II/2024, UBND tỉnh Hòa Bình sẽ có Quyết định phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư. Trên cơ sở đó Công ty sẽ triển khai thực hiện theo kế hoạch đề ra.

HĐQT Công ty kính báo cáo ĐHCĐ được biết về các công việc đã và đang triển khai thực hiện liên quan đến Dự án giai đoạn II trong thời gian vừa qua, đồng thời kiến nghị ĐHCĐ tiếp tục ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của ĐHCĐ được pháp luật/Điều lệ Công ty quy định liên quan đến việc: (1) điều chỉnh phương án liên quan đến các công trình khai thác nguồn nước và tuyến ống dẫn nước thô từ Sông Đà về khu xử lý nước của Dự án giai đoạn II nhằm mục tiêu tối ưu hóa hệ thống và không vượt tổng mức đầu tư của Dự án đã được phê duyệt theo Quyết định số 02/2022/QĐ-HĐQT ngày 01/8/2022; (2) Quyết định, tổ chức triển khai, hoàn thiện phương án và phê duyệt dự án giai đoạn II điều chỉnh (trên cơ sở chủ trương điều chỉnh phương án công trình khai thác nguồn nêu trên); và (3) các nội dung công việc khác trong quá trình triển khai, thực hiện Dự án giai đoạn II thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ, phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành. HĐQT Công ty có trách nhiệm báo cáo ĐHCĐ tại kỳ họp ĐHCĐ gần nhất về việc thực hiện các nội dung ủy quyền trên.

II. Các nội dung ủy quyền khác



Căn cứ vào các nội dung đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 ủy quyền cho HĐQT Công ty tại Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2023, HĐQT xin được báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung ủy quyền khác trong năm 2023 như sau:

1. Về việc căn cứ vào tình hình thực tế xem xét điều chỉnh các chỉ tiêu chính về sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty năm 2023 cho phù hợp (nếu cần):

HĐQT, Ban Giám đốc Công ty luôn bám sát kế hoạch SXKD và đầu tư mà ĐHĐCĐ đã phê duyệt cũng như thực hiện triển khai nhiều giải pháp để đảm bảo thực hiện kế hoạch đã đề ra. Do vậy HĐQT và ban điều hành vẫn giữ nguyên kế hoạch Sản xuất kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua và trong năm 2023 Công ty đã đạt được: doanh thu 102% và Lợi nhuận sau thuế đạt 63% so với kế hoạch ĐHĐCĐ giao.

2. Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023:

- Ngày 28/6/2023, HĐQT Công ty đã ban hành Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐQT về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty. Cụ thể, đã lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.

3. Về việc chi trả cổ tức còn lại năm 2022 và tạm ứng cổ tức năm 2023.

- Ngày 13/11/2023, HĐQT Công ty đã ban hành Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐQT về việc thực hiện chi trả cổ tức còn lại năm 2022 và tạm ứng cổ tức năm 2023 bằng tiền. Cụ thể, Công ty đã thực hiện thanh toán cổ tức là 10%, trong đó chi trả cổ tức còn lại năm 2022 là 5%, tương đương 37,5 tỷ đồng và tạm ứng cổ tức năm 2023 là 5%, tương đương với 37,5 tỷ đồng vào ngày 20/12/2023.

4. Về việc ký ban hành Điều lệ Công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty:

- Ngày 25/4/2023, Tổng Giám đốc đã ký ban hành Phụ lục sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty;

- Ngày 25/4/2023, Chủ tịch HĐQT đã ký Quyết định số 01/2023/QĐ-CT.HĐQT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT Công ty và Quyết định số 02/2023/QĐ-CT-HĐQT về việc ban hành quy chế nội bộ về quản trị của Công ty.

Trên đây là một số nội dung ĐHĐCĐ đã giao/ủy quyền được HĐQT thực hiện trong năm 2023 Kính báo cáo ĐHĐCĐ được biết.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi,
- Lưu HĐQT, TCHC.



LÊ VĂN THẮNG





Hòa Bình, ngày 28 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023
Công ty Cổ phần Đầu tư nước sạch Sông Đà (“Công ty”)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY

Thay mặt Ban kiểm soát (“BKS”), Trưởng BKS xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) kết quả hoạt động của BKS trong năm tài chính 2023 như sau:

I. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và Báo cáo tài chính năm 2023

1. Về kết quả sản xuất kinh doanh (“SXKD”) năm 2023

Nội dung	Đơn vị tính	KH năm 2023	TH năm 2023	TH năm 2022	TH/KH (%)	TH 2023/TH 2022 (%)
Sản lượng nước sản xuất	Triệu m ³	109,637	111,858	106,66	102,0%	104,5%
Doanh thu từ hoạt động SXKD	Tỷ đồng	563,99	573,5	548,91	102%	104,5%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	54,34	34,04	201,41	63%	16,9%

Năm 2023, sản lượng nước trung bình ngày đêm đạt 306.462 m³/ngày đêm, tổng sản lượng nước sản xuất tương đương 102% kế hoạch năm và tăng 4,5% so với thực hiện 2022 dẫn đến doanh thu tăng tương ứng. Lợi nhuận sau thuế đạt 63% so với kế hoạch do công ty ghi nhận một số chi phí đã thực hiện dự án Giai đoạn II vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

2. Về Báo cáo tài chính năm 2023

BKS đã thực hiện thẩm tra Báo cáo tài chính (“BCTC”) năm 2023 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam. Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán, BCTC năm 2023 đã phản ánh trung thực, hợp lý trên khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.

BKS tóm tắt tình hình tài chính của Công ty năm 2023 như sau:

2.1. Tài sản nguồn vốn của VCW tại thời điểm 31/12/2023

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2022	2023/2022 (%)
A. Tài sản			
1. Tài sản ngắn hạn	252.766.170.402	424.681.854.377	60%
1.1. Tiền và tương đương tiền	34.775.642.122	38.368.300.601	91%
2. Tài sản dài hạn	3.424.603.575.644	2.478.202.543.029	138%
Tổng cộng tài sản	3.677.369.746.046	2.902.884.397.406	127%
B. Nguồn vốn			
1. Nợ phải trả	2.378.203.328.931	1.562.762.825.570	152%
1.1. Nợ ngắn hạn	192.786.947.111	473.121.634.668	41%
<i>Trong đó, Vay ngắn hạn</i>	<i>96.726.631.607</i>	<i>88.728.281.007</i>	<i>109%</i>
1.2. Nợ dài hạn	2.185.416.381.820	1.089.641.190.902	201%
2. Vốn chủ sở hữu	1.299.166.417.115	1.340.121.571.836	97%
<i>Trong đó, Vốn điều lệ</i>	<i>750.000.000.000</i>	<i>750.000.000.000</i>	<i>0%</i>
Tổng cộng nguồn vốn	3.677.369.746.046	2.902.884.397.406	127%

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty năm 2023 như sau :

Nội dung	2023	2022
Nhóm chỉ tiêu thanh toán		
- Chỉ số thanh toán hiện hành (lần)	1,31	0,89
- Chỉ số thanh toán nhanh (lần)	1,19	0,85
Nhóm chỉ tiêu hoạt động		
- Vòng quay các khoản phải thu khách hàng (lần)	5,04	4,6
- Số ngày thu tiền bình quân (ngày)	72	79
Nhóm chỉ tiêu cơ cấu tài chính		
- Hệ số nợ/Tổng tài sản (%)	62%	41%
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	1,76	0,88
- Hệ số tài sản dài hạn/Tổng tài sản (%)	93%	85%
Nhóm chỉ tiêu lợi nhuận		
- Biên lợi nhuận ròng (%)	5,94%	36,7%
- ROE	2,6%	14,9%
- ROA	1,0%	7,8%
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	454	2.685
Nội dung		
2023		
2022		
Nhóm chỉ tiêu thanh toán		
- Chỉ số thanh toán hiện hành (lần)	1,31	0,89
- Chỉ số thanh toán nhanh (lần)	1,19	0,85

Nhóm chỉ tiêu hoạt động		
- Vòng quay các khoản phải thu khách hàng (lần)	5,04	4,6
- Số ngày thu tiền bình quân (ngày)	72	79
Nhóm chỉ tiêu cơ cấu tài chính		
- Hệ số nợ/Tổng tài sản (%)	62%	41%
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	1,76	0,88
- Hệ số tài sản dài hạn/Tổng tài sản (%)	93%	85%
Nhóm chỉ tiêu lợi nhuận		
- Biên lợi nhuận ròng (%)	5,94%	36,7%
- ROE	2,6%	14,9%
- ROA	1,0%	7,8%
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	454	2.685

Chỉ số thanh toán hiện hành và chỉ số thanh toán nhanh tại thời điểm 31/12/2023 lần lượt đạt 1,31 lần và 1,19 lần, tăng so với thời điểm 31/12/2022 chủ yếu do số dư các khoản phải trả người bán ngắn hạn giảm. Nguyên nhân đến từ việc hoàn thành quyết toán và thanh toán cho các gói thầu tuyến ống 40km, khu xử lý bùn của Dự án giai đoạn II và tuyến ống cấp 2 đường vành đai 3.5, tuyến ống cấp 2 đường Lương Thế Vinh.

Các chỉ tiêu về số ngày phải thu được cải thiện đáng kể, từ trung bình 79 ngày năm 2022 xuống còn 72 ngày năm 2023.

Nhóm chỉ tiêu cơ cấu tài chính tại 31/12/2023 có xu hướng tăng so với cùng kỳ do công ty huy động nguồn vốn vay từ ngân hàng để triển khai các hạng mục của Dự án giai đoạn II và các tuyến ống cấp 2, dẫn tới số dư nợ vay dài hạn tăng cao.

Hiệu quả lợi nhuận năm 2023 có sự sụt giảm so với năm 2022 do Công ty ghi nhận một số chi phí đã thực hiện dự án Giai đoạn II vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

II. Đánh giá tiến độ triển khai các Dự án đầu tư xây dựng

1. Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây – Hòa Lạc – Xuân Mai – Miếu Môn – Hà Nội – Hà Đông giai đoạn 2 (“Dự án giai đoạn II”):

TT	Hạng mục	Kết quả thực hiện
1	Thủ tục pháp lý dự án	Phương án nghiên cứu sử dụng tuyến ống kín và hầm dẫn nước cho Dự án giai đoạn II: Trong năm 2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình vẫn đang xem xét và chưa có quyết định phê duyệt Điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án giai đoạn II
2	Hạng mục tuyến ống truyền tải nước sạch đoạn từ Khu xử lý đến Trạm điều tiết Tây Mỗ (Km7+800) (EPC-02)	HĐQT đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành với hạng mục này theo Quyết định số 10/2023/QĐ-HĐQT ngày 21/11/2023

3	Hạng mục Khu xử lý bùn (EPC-03)	HDQT đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành với hạng mục này theo Quyết định số 15/2023/QĐ-HDQT ngày 28/12/2023
4	Các hạng mục còn lại	- Hạng mục Khu xử lý nước: Trong năm 2023, đã hoàn thành công tác thẩm định thiết kế xây dựng bản vẽ thi công khu xử lý nước theo văn bản số 273/HTKT của Cục Hạ tầng kỹ thuật - Bộ Xây dựng ngày 28/4/2023. Tuy nhiên công tác triển khai các công việc tiếp theo cần một số điều chỉnh để phù hợp với công trình khai thác nguồn nước mới trong năm 2024. Dự kiến Hạng mục thực hiện công tác lựa chọn nhà thầu trong Quý II.2024.

2. Các dự án Đường ống cấp II

Dự án tuyến ống cấp 2 đường Vành đai 3.5 và Dự án tuyến ống cấp 2 đường Lương Thế Vinh đã hoàn thành công tác xây dựng, HDQT phê duyệt quyết toán Dự án hoàn thành trong năm 2023.

Đánh giá của BKS

Các gói thầu EPC-02, EPC-03 hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2023, cơ bản đáp ứng tiến độ đề ra. Tuy nhiên, tiến độ giải ngân tổng thể Dự án giai đoạn II trong năm 2023 không đạt kết hoạch do phương án sử dụng tuyến ống kín và hầm dẫn nước đang chờ cơ quan chức năng có thẩm quyền xem xét, phê duyệt Điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án giai đoạn II dẫn tới việc ngừng triển khai một số hạng mục liên quan.

Công tác triển khai dự án tuyến ống cấp 2 đường vành đai 3.5 và tuyến ống cấp 2 đường Lương Thế Vinh hoàn thành trong năm 2023 và đạt kế hoạch đề ra.

III. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và HDQT năm 2023

1. Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ

Nghị quyết 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 của ĐHĐCĐ đã giao cho HDQT và Ban điều hành Công ty một số nhiệm vụ sau:

TT	Nhiệm vụ ĐHCĐ giao năm 2023	Kết quả thực hiện	Đánh giá
1	Phê duyệt KHKD 2023 với các chỉ tiêu chính sau: - Sản lượng: 109,64 triệu m ³ . - Doanh thu: 563,99 tỷ đồng. - LNST: 54,38 tỷ đồng.	Kết quả SXKD đã đạt được các chỉ tiêu sau: - Sản lượng: 111,86 triệu m ³ . - Doanh thu: 573,55 tỷ đồng. - LNST: 34,04 tỷ đồng.	Hoàn thành. LNST không đạt kế hoạch đề ra
2	Ủy quyền cho HDQT lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2023	HDQT đã lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam, là 1 trong các đơn vị kiểm toán được ĐHĐCĐ lựa chọn, là đơn vị kiểm toán BCTC năm 2023 của Công ty.	Hoàn thành

3	Giao/ủy quyền cho HĐQT căn cứ vào tình hình thực tế năm 2023 để quyết định việc chi trả cổ tức năm 2022 và tạm ứng cổ tức năm 2023 phù hợp	Năm 2023, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 5% và tạm ứng cổ tức năm 2023 với tỷ lệ 5%.	Hoàn thành
4	Giao/Ủy quyền cho HĐQT quyết định, tổ chức triển khai hoàn thiện phương án và phê duyệt Dự án Giai đoạn II điều chỉnh (trên cơ sở chủ trương điều chỉnh phương án liên quan đến các công trình khai thác nguồn nước và tuyến ống dẫn nước thô từ Sông Đà về khu xử lý)	HĐQT vẫn tiếp tục triển khai các công việc liên quan đến Dự án giai đoạn II theo ủy quyền của ĐHĐCĐ	Vẫn tiếp tục triển khai

2. Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết HĐQT

Trong năm 2023, HĐQT Công ty đã tổ chức 5 buổi họp, ban hành 19 Nghị quyết, 17 Quyết định để giao nhiệm vụ cho Ban điều hành Công ty. Theo đánh giá của BKS, HĐQT và Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực chỉ đạo, điều hành để phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ của cổ đông giao.

IV. Kết quả hoạt động của BKS

1. Thông tin về các thành viên BKS

STT	Thành viên ("TV") BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu làm TV BKS	Ngày không còn là TV BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Việt Trung	Trưởng BKS	19/4/2022		2/2	100%	
2	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	TV BKS	27/4/2021		2/2	100%	
3	Lê Huy	TV BKS	27/4/2021		2/2	100%	

2. Hoạt động BKS năm 2023

Trong năm, BKS gồm 03 thành viên không chuyên trách, đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trong việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể:

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết/Quyết định của HĐQT, giám sát việc chấp hành pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế, quy

trình của Công ty;

- Thẩm định báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, BCTC năm 2023, BCTC các quý, BCTC bán niên năm 2023, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;
- Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ và đề xuất kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ;
- Thực hiện trao đổi với kiểm toán độc lập về kết quả kiểm toán và các vấn đề cần quan tâm trong hệ thống kiểm soát nội bộ;
- Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh (“SXKD”), công tác quản lý, điều hành chung trong năm 2023;
- Đưa ra kiến nghị với HĐQT/Ban TGD về quản trị, điều hành của Công ty.

3. Các cuộc họp của BKS trong năm 2023

Trong năm 2023, BKS đã tiến hành họp 02 phiên. Nội dung cụ thể của từng phiên họp như sau:

Phiên họp	TV BKS dự họp	Nội dung
Phiên 01 Ngày 25/03/2023	3/3	- Tổng kết hoạt động của BKS năm 2022; - Xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2023.
Phiên 02 Ngày 11/09/2023	3/3	- Đánh giá kết quả hoạt động SXKD, việc thực hiện các NQ ĐHCĐ và HĐQT tới 30/6/2023. - Thẩm tra BCTC 6 tháng đầu năm 2023. - Đánh giá công tác đầu tư và triển khai Dự án Giai đoạn 2 tới 30/6/2023. - Rà soát việc thực hiện công tác quản trị nội bộ, việc thực hiện các hợp đồng, ...

Trong năm 2023, BKS tham gia đầy đủ tất cả các cuộc họp HĐQT để nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty, nâng cao hiệu quả giám sát kịp thời của BKS.

4. Thù lao, chi phí của BKS năm 2023

- Thù lao BKS: Thù lao của BKS và từng thành viên BKS tuân thủ đúng theo quy định tại Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2023. Thông tin chi tiết đã được trình bày tại Báo cáo tài chính Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.
- Chi phí BKS: BKS không phải sử dụng bất kì dịch vụ thuê ngoài cũng như làm phát sinh bất cứ chi phí nào khác.

V. Kết quả giám sát của BKS

1. Về giao dịch với các bên liên quan

Công ty đã ký kết, thực hiện các hợp đồng/giao dịch với các bên liên quan của Công ty đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật, quy định nội bộ của Công ty.

2. Giám sát hoạt động của BKS với HĐQT/Ban điều hành

- BKS đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của HĐQT và Ban điều hành Công ty, theo đó:

- HĐQT đã thực hiện đầy đủ các cuộc họp định kỳ cũng như kịp thời lấy ý kiến các nội dung theo thẩm quyền bằng văn bản để thống nhất chiến lược, định hướng phát triển và chỉ đạo công tác sản xuất, đầu tư kịp thời, phù hợp thực tế. Các phiên họp HĐQT có số lượng các thành viên tham gia đảm bảo theo đúng quy định, nội dung các cuộc họp được ghi chép đầy đủ, phản ánh đúng diễn biến cuộc họp và được lưu trữ tại Công ty.
- Các vấn đề HĐQT thông qua trong các cuộc họp đều được ban hành bằng các nghị quyết/quyết định để giao nhiệm vụ cho Ban điều hành. Qua rà soát của BKS, các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT đều được ban hành hợp lệ, đúng với thẩm quyền và thực hiện đúng chế độ công bố thông tin đối với công ty đại chúng chưa niêm yết.
- Về việc thực hiện các nghị quyết/quyết định của HĐQT: tới thời điểm 31/12/2023, Ban điều hành Công ty đã thực hiện nghiêm túc và cơ bản hoàn thành các nội dung nghị quyết/quyết định của HĐQT.

- Về việc giám sát tuân thủ: trong năm 2023, BKS chưa ghi nhận dấu hiệu bất thường nào làm ảnh hưởng hay vi phạm quy định pháp luật của Công ty trong công tác, hoạt động của các thành viên HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý. BKS không nhận được bất kì khiếu nại nào của cổ đông về các sai phạm của HĐQT và Ban điều hành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Sự phối hợp giữa BKS với HĐQT/Ban điều hành

- BKS nhận được các tài liệu, thông tin theo quy định của Luật doanh nghiệp về quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát;

- HĐQT/Ban điều hành Công ty luôn hợp tác, tạo điều kiện để BKS thực hiện các công việc/nhiệm vụ của mình như cung cấp thông tin, tài liệu hoặc cử cán bộ làm việc khi có yêu cầu.

4. Kiến nghị của BKS

Thông qua công tác giám sát định kỳ thực hiện, BKS xin kiến nghị một số nội dung để nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty như sau:

- Tiếp tục triển khai hoàn thiện Dự án Giai đoạn II và các dự án khác theo kế hoạch nhằm đảm bảo sản lượng nước cung cấp cho khách hàng và phục vụ phát triển thị trường trong tương lai; đồng thời tăng cường giám sát hoạt động đầu tư đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật liên quan;

- Duy trì hoạt động sản xuất nước ổn định, an toàn, tuân thủ quy định pháp luật;

- Thường xuyên cập nhật các quy định, chính sách mới của pháp luật được ban hành, triển khai rà soát các quy trình, quy chế nội bộ để sửa đổi, bổ sung, đồng bộ, nhằm chuẩn hóa hoạt động, nâng cao năng suất và hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ, tăng cường tính tuân thủ thực hiện;

- Tăng cường minh bạch hóa cách giao dịch với bên liên quan thông qua cơ chế phê duyệt. Tăng cường công tác chuẩn bị hồ sơ chứng minh các giao dịch phát sinh phù hợp với quy định của pháp luật.

VI. Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2024

- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua trong năm 2024.
- Giám sát việc tuân thủ pháp luật, các quy định nội bộ trong việc thực hiện công tác sản xuất kinh doanh, đầu tư của HĐQT và Ban điều hành Công ty.
- Phối hợp chặt chẽ với đơn vị kiểm toán độc lập trong việc xem xét các báo cáo đánh giá và giám sát việc thực thi các vấn đề được đơn vị kiểm toán đưa ra trong thuyết minh và thư khuyến nghị kiểm toán (nếu có).
- Giám sát việc thực hiện giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.
- Thực hiện rà soát, thẩm tra các nội dung theo kiến nghị của cổ đông (nếu có).

Trên đây là báo cáo về kết quả hoạt động năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024 của BKS Công ty, kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua./.

Kính chúc Quý vị cổ đông sức khỏe, chúc Đại hội thành công rực rỡ.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Trưởng Ban



Nguyễn Việt Trung



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ

Số: 105/2024/TTr-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hoà Bình, ngày 28 tháng 3 năm 2024

TỜ TRÌNH

"V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty CP Đầu tư Nước sạch Sông Đà

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2021 và các quy định có liên quan;

Căn cứ Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") thông qua ngày 25/4/2023;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị ("HĐQT") Công ty được ĐHĐCĐ thông qua ngày 25/4/2023 và được ban hành theo Quyết định số 01/2023/QĐ-HĐQT của Chủ tịch HĐQT Công ty ngày 25/4/2023;

Căn cứ yêu cầu thực tế công tác tài chính kế toán và kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty, Ban kiểm soát Công ty kiến nghị và đề xuất danh sách các công ty kiểm toán sau đây có đủ năng lực và điều kiện để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty:

- Công ty TNHH KPMG Việt Nam
- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
- Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam

Ban kiểm soát Công ty kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua danh sách các công ty kiểm toán nêu trên và ủy quyền cho HĐQT Công ty quyết định lựa chọn một trong các công ty kiểm toán trong danh sách đó thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi,
- Lưu HĐQT, TCHC.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Việt Trung

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ

Số: 106 /2024/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hoà Bình, ngày 28 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

"V/v: Thông qua Báo cáo tài chính 2023 của Công ty
đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam"

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà ("Công ty") được Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") thông qua ngày 25/4/2023;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị ("HĐQT") Công ty được ĐHĐCĐ thông qua ngày 25/4/2023 và được ban hành theo Quyết định số 01/2023/QĐ- HĐQT của Chủ tịch HĐQT Công ty ngày 25/4/2023;

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty.

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua toàn văn Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (đính kèm Tờ trình này).

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi,
- Lưu HĐQT, TCHC.



LÊ VĂN THẮNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 31

11/3/2024
SCT
/4

100111
CÔNG
TY
KIỂM
TOÁN
ĐỘC
LẬP
VIỆT
NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Văn Thăng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2023)
Ông Nguyễn Hoàng Long	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2023)
Ông Trương Khắc Hoàn	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Lê Khoa	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2023)
Ông Nguyễn Xuân Quý	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên
Ông Bùi Đăng Khoa	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2023)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Xuân Quý	Tổng Giám đốc
Ông Lưu Việt Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Thăng	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:


- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ
Xóm Vật Lại, xã Thịnh Minh, thành phố Hòa Bình
Tỉnh Hòa Bình, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Nguyễn Xuân Quý
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 3 năm 2024

Số: 0501/VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 13 tháng 3 năm 2024, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		252.766.170.402	424.681.854.377
I. Tiền	110	4	34.775.642.122	38.368.300.601
1. Tiền	111		34.775.642.122	38.368.300.601
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		136.076.616.004	253.108.529.219
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	105.298.509.621	122.122.991.817
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	10.498.193.032	129.526.912.459
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	20.279.913.351	1.458.624.943
III. Hàng tồn kho	140	8	23.172.812.188	24.339.166.517
1. Hàng tồn kho	141		24.449.860.489	25.616.214.818
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.277.048.301)	(1.277.048.301)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		58.741.100.088	108.865.858.040
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.744.396	4.945.827
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		58.738.355.692	108.860.912.213
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.424.603.575.644	2.478.202.543.029
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		167.142.000	1.652.304.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	167.142.000	1.652.304.000
II. Tài sản cố định	220		3.252.708.082.448	830.359.476.589
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	3.252.708.082.448	830.359.476.589
- Nguyên giá	222		4.849.714.636.384	2.266.624.583.393
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.597.006.553.936)	(1.436.265.106.804)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		878.969.151	878.969.151
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(878.969.151)	(878.969.151)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		38.799.649.862	1.515.896.210.569
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	38.799.649.862	1.515.896.210.569
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		122.509.325.759	120.859.325.759
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	12	120.859.325.759	120.859.325.759
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		1.650.000.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		10.419.375.575	9.435.226.112
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	5.107.380.970	3.613.020.958
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	8	5.311.994.605	5.822.205.154
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		3.677.369.746.046	2.902.884.397.406

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.378.203.328.931	1.562.762.825.570
I. Nợ ngắn hạn	310		192.786.947.111	473.121.634.668
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	36.648.219.557	351.639.638.051
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	11.919.460.604	14.147.832.503
3. Phải trả người lao động	314		9.556.376.998	8.733.679.248
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	36.087.851.668	8.262.557.172
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.469.323.700	1.207.063.710
6. Vay ngắn hạn	320	16	96.726.631.607	88.728.281.007
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		379.082.977	402.582.977
II. Nợ dài hạn	330		2.185.416.381.820	1.089.641.190.902
1. Phải trả người bán dài hạn	331	14	122.882.473.158	-
2. Vay dài hạn	338	17	2.062.533.908.662	1.089.641.190.902
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.299.166.417.115	1.340.121.571.836
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	1.299.166.417.115	1.340.121.571.836
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		750.000.000.000	750.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		750.000.000.000	750.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.202.126.044	2.202.126.044
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		546.964.291.071	587.919.445.792
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		512.919.445.792	461.508.113.337
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		34.044.845.279	126.411.332.455
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		3.677.369.746.046	2.902.884.397.406



Nguyễn Minh Đức
 Người lập biểu



Đào Gia Thắng
 Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Quý
 Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng	01	20	573.502.579.532	548.914.691.125		
2. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01)	10		573.502.579.532	548.914.691.125		
3. Giá vốn hàng bán	11	21	391.518.804.496	259.726.875.334		
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		181.983.775.036	289.187.815.791		
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	5.977.768.761	6.710.255.349		
6. Chi phí tài chính	22	24	104.066.232.491	50.187.401.574		
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		103.893.723.831	50.187.401.574		
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	44.825.877.514	33.563.281.665		
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		39.069.433.792	212.147.387.901		
9. Thu nhập khác	31		15.272.727	-		
10. Chi phí khác	32		525.801.855	90.879.444		
11. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(510.529.128)	(90.879.444)		
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		38.558.904.664	212.056.508.457		
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	4.514.059.385	10.645.176.002		
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		34.044.845.279	201.411.332.455		
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	454	2.685		

Nguyễn Minh Đức
Người lập biểu

Đào Gia Thắng
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Quý
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	38.558.904.664	212.056.508.457
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	160.829.628.950	103.447.569.575
Các khoản dự phòng	03	-	(48.929.478)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(5.895.865.227)	(6.710.255.349)
Chi phí lãi vay	06	103.893.723.831	50.187.401.574
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	297.386.392.218	358.932.294.779
Giảm các khoản phải thu	09	47.494.522.638	121.357.628.127
Giảm hàng tồn kho	10	1.676.564.878	27.612.439.604
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	61.514.919.417	(60.152.769.100)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(1.492.158.581)	2.444.940.361
Tiền lãi vay đã trả	14	(98.379.663.602)	(47.872.526.390)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.871.148.000)	(9.456.264.809)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(23.500.000)	(2.782.516.640)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	301.305.928.968	390.083.225.923
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng Tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.215.085.278.034)	(597.316.529.832)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	15.272.727	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.650.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.880.592.500	6.710.255.349
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.210.839.412.807)	(590.606.274.483)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

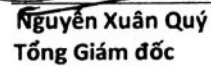
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.448.372.071.340	553.820.350.826
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(467.481.002.980)	(142.962.250.719)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(74.950.243.000)	(224.909.229.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	905.940.825.360	185.948.871.107
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</i>	50	(3.592.658.479)	(14.574.177.453)
Tiền đầu năm	60	38.368.300.601	52.942.478.054
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	34.775.642.122	38.368.300.601



Nguyễn Minh Đức
Người lập biểu



Đào Gia Thắng
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Quý
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 5400310164 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 17 tháng 12 năm 2009 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 6 được cấp ngày 24 tháng 02 năm 2020.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại sàn giao dịch UPCoM từ ngày 23 tháng 11 năm 2016.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex. Công ty mẹ của cả Tập đoàn là Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 147 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 132).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước (sản xuất nước sạch);
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng: lắp đặt hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác;
- Bán buôn, bán lẻ: nước sạch, máy móc, thiết bị và vật tư ngành nước; và
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (thăm dò địa chất nguồn nước).

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất nước sạch theo Dự án Đầu tư Xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5208412646 ngày 17 tháng 11 năm 2010 và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 6 được cấp ngày 20 tháng 01 năm 2022.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

116.
TY
IAT
JCS
Đ
- 1 -

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng tổn thất. Dự phòng tổn thất của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

0
1
2
3
4
5
6
7
8
9
A
B
C
D
E
F
G
H
I
J
K
L
M
N
O
P
Q
R
S
T
U
V
W
X
Y
Z

0
1
2
3
4
5
6
7
8
9
A
B
C
D
E
F
G
H
I
J
K
L
M
N
O
P
Q
R
S
T
U
V
W
X
Y
Z

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	06 - 20
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 07
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	03 - 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập với chi phí thanh lý, nhưng bán cộng giá trị còn lại của Tài sản cố định hữu hình. Số lãi, lỗ này được ghi nhận là một khoản thu nhập hay chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phần mềm máy tính	02 - 03

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí sửa chữa lớn tài sản, công cụ, dụng cụ xuất dùng và các chi phí trả trước khác. Các chi phí này được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu và các khoản chi phí lãi vay phải trả. Chi phí lãi vay phải trả được ghi nhận trên cơ sở gốc vay và lãi suất vay.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp nước được xác định và tính toán dựa trên biểu giá tiền nước được quy định bởi Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội và biên bản nghiệm thu khối lượng nước hàng tháng giữa Công ty và các khách hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

326
NG
PH
VƯƠN
IG
1-1

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	2.265.949.970	1.185.570.730
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	32.509.692.152	37.182.729.871
	34.775.642.122	38.368.300.601

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Công ty Cổ phần Viwaco	62.638.285.518	58.263.799.172
Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông	16.151.467.060	21.210.614.737
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Địa chất	6.888.249.396	6.960.418.823
Công ty Cổ phần Nước sạch Tây Hà Nội	6.720.066.990	20.555.742.279
Công ty TNHH Đồng Tiến Thành Thủ Đô	6.329.100.645	9.736.193.976
Các khách hàng khác	6.571.340.012	5.396.222.830
	105.298.509.621	122.122.991.817

Trong đó: Phải thu ngắn hạn khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 28) 6.720.066.990 20.555.742.279

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Bảo Anh	5.512.045.807	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định xây dựng - CONINCO	1.177.574.322	-
Công ty Cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương	-	55.723.317.450
Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam - CTCP (Viwaseen)	-	25.459.612.699
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	-	19.637.257.627
Các nhà cung cấp khác	3.808.572.903	28.706.724.683
	10.498.193.032	129.526.912.459

Trong đó: Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 28) - 19.637.257.627

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Tạm ứng cho nhân viên	20.106.993.600	1.186.681.900
Đặt cọc	-	134.838.000
Các khoản phải thu khác	172.919.751	137.105.043
	20.279.913.351	1.458.624.943
b. Dài hạn		
Đặt cọc, cầm cố	167.142.000	1.652.304.000
	167.142.000	1.652.304.000

8. HÀNG TỒN KHO VÀ THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a. Hàng tồn kho				
Nguyên liệu, vật liệu	23.930.521.522	(1.277.048.301)	25.097.448.451	(1.277.048.301)
Công cụ, dụng cụ	519.338.967	-	518.766.367	-
	24.449.860.489	(1.277.048.301)	25.616.214.818	(1.277.048.301)
b. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	5.311.994.605	-	5.822.205.154	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị dự phòng hàng tồn kho được trích lập với số tiền 1.277.048.301 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1.277.048.301 VND) cho các hàng tồn kho có giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	4.390.939.708	2.253.086.318
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	716.441.262	1.347.255.467
Chi phí trả trước khác	-	12.679.173
	5.107.380.970	3.613.020.958

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

10. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	2.017.733.496.448	228.185.308.788	18.186.605.455	2.519.172.702	2.266.624.583.393
Mua sắm trong năm	-	-	840.990.909	153.781.818	994.772.727
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.480.206.838.959	101.976.623.123	-	-	2.582.183.462.082
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(88.181.818)	(88.181.818)
Số dư cuối năm	4.497.940.335.407	330.161.931.911	19.027.596.364	2.584.772.702	4.849.714.636.384
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	1.255.017.001.974	166.087.749.124	12.911.475.075	2.248.880.631	1.436.265.106.804
Khấu hao trong năm	140.133.998.308	18.304.218.140	2.196.195.426	195.217.076	160.829.628.950
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(88.181.818)	(88.181.818)
Số dư cuối năm	1.395.151.000.282	184.391.967.264	15.107.670.501	2.355.915.889	1.597.006.553.936
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	762.716.494.474	62.097.559.664	5.275.130.380	270.292.071	830.359.476.589
Tại ngày cuối năm	3.102.789.335.125	145.769.964.647	3.919.925.863	228.856.813	3.252.708.082.448

Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là khoảng 3.198 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: khoảng 811,3 tỷ VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng (Thuyết minh số 17).

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là khoảng 560,6 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: khoảng 554,5 tỷ VND).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Giai đoạn 2 - Dự án Đầu tư Xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông (i)	34.912.141.193	1.515.568.837.872
Dự án khác	3.887.508.669	327.372.697
	38.799.649.862	1.515.896.210.569

- (i) Tài sản hình thành trong tương lai thuộc Giai đoạn 2 - Dự án Đầu tư Xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng như đã được trình bày trong Thuyết minh số 17.

Trong năm, Công ty đã vốn hóa chi phí lãi vay với số tiền 31.842.016.802 VND (năm 2022: 25.478.041.115 VND) là lãi của các khoản vay phục vụ thanh toán chi phí đầu tư hình thành Giai đoạn 2 - Dự án Đầu tư Xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông. Toàn bộ chi phí lãi vay vốn hóa đã được kết chuyển vào giá trị các hạng mục đã hoàn thành trong năm.

12. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Viwaco (i)	120.734.325.759	-	120.734.325.759	-
Công ty Cổ phần Vinaconex Dung Quất (ii)	125.000.000	-	125.000.000	-
	120.859.325.759	-	120.859.325.759	-

- (i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 179.170.740.000VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 124.115.580.000 VND) được xác định dựa trên giá đóng cửa của cổ phiếu VAV trên sàn giao dịch chứng khoán UpCoM tại ngày kết thúc năm tài chính và số lượng cổ phiếu mà công ty đang nắm giữ.

Công ty đang thực hiện cầm cố 4.829.400 cổ phiếu VAV của Công ty Cổ phần Viwaco mệnh giá 48.294.000.000 VND được lưu ký tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ (Thuyết minh số 17).

- (ii) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vinaconex Dung Quất tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư là cổ phiếu của các công ty chưa niêm yết hoặc giao dịch trên sàn chứng khoán UpCoM.

Trong năm 2023, Công ty nhận được cổ tức từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty Cổ phần Viwaco với số tiền là 5.795.280.000 VND và của Công ty Cổ phần Vinaconex Dung Quất với số tiền là 85.312.500 VND (cổ tức năm 2022 Công ty nhận được lần lượt là 6.036.750.000 VND và 80.415.500 VND).

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Phí dịch vụ môi trường rừng	9.584.542.664	11.077.555.384	11.023.823.088	9.638.274.960
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.871.148.000	4.514.059.385	6.871.148.000	1.514.059.385
Thuế tài nguyên	574.969.289	5.799.493.559	5.787.169.624	587.293.224
Thuế thu nhập cá nhân	113.824.292	1.490.067.212	1.430.134.043	173.757.461
Các loại thuế khác	3.348.258	72.995.544	70.268.228	6.075.574
	14.147.832.503	22.954.171.084	25.182.542.983	11.919.460.604

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	VND	Giá trị	VND
		Số có khả năng trả nợ		Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần VIWASEEN3	12.561.556.795	12.561.556.795	-	-
Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam - CTCP (Viwaseen)	3.204.182.798	3.204.182.798	28.593.621.899	28.593.621.899
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam	3.015.615.437	3.015.615.437	-	-
Công ty TNHH Kỹ thuật Thương mại Trường An	2.164.314.816	2.164.314.816	1.478.170.244	1.478.170.244
Công ty Cổ phần LICOGI 16	313.775.274	313.775.274	313.775.274	313.775.274
Công ty Cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương	97.976.100	97.976.100	258.652.337.728	258.652.337.728
Công ty Cổ phần Công nghệ Dịch vụ Điện tổng hợp GEST	-	-	33.017.144.400	33.017.144.400
Các nhà cung cấp khác	15.290.798.337	15.290.798.337	29.584.588.506	29.584.588.506
	36.648.219.557	36.648.219.557	351.639.638.051	351.639.638.051
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn				
Tổng Công ty đầu tư nước và môi trường Việt Nam - CTCP	93.257.429.719	93.257.429.719	-	-
Công ty Cổ phần VIWASEEN3	14.015.933.603	14.015.933.603	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng cấp thoát nước	9.652.765.774	9.652.765.774	-	-
Các nhà cung cấp khác	5.956.344.062	5.956.344.062	-	-
	122.882.473.158	122.882.473.158	-	-
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 28)	-	-	9.889.863.011	9.889.863.011

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	15.054.219.301	8.047.045.554
Chi phí khảo sát, tư vấn dự án	17.277.760.303	-
Chi phí phải trả khác	3.755.872.064	215.511.618
	36.087.851.668	8.262.557.172

5400
CÔNG
ĐỒ F
TƯ NU
ÔNG
/NH -

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

16. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND		VND		VND	
Vay ngắn hạn	61.815.258.819	61.815.258.819	141.566.331.392	133.567.980.792	69.813.609.419	69.813.609.419
Vay ngân hàng	61.815.258.819	61.815.258.819	141.566.331.392	133.567.980.792	69.813.609.419	69.813.609.419
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hòa Bình (i)	61.815.258.819	61.815.258.819	141.566.331.392	133.567.980.792	69.813.609.419	69.813.609.419
Nợ dài hạn đến hạn trả (Xem Thuyết minh số 17)	26.913.022.188	26.913.022.188	26.913.022.188	26.913.022.188	26.913.022.188	26.913.022.188
	88.728.281.007	88.728.281.007	168.479.353.580	160.481.002.980	96.726.631.607	96.726.631.607

(i) Thông tin chi tiết về các khoản vay ngắn hạn như sau:

Bên cho vay	Dư nợ cuối năm (VND)	Dư nợ đầu năm (VND)	Lãi suất	Thời hạn cho vay, lịch thanh toán gốc, lãi	Mục đích	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hòa Bình	69.813.609.419	61.815.258.819	7,8% - 8,5%/năm	- Thời hạn cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ, tối đa không quá 6 tháng. - Lãi vay được trả hàng tháng, gốc vay thanh toán khi đáo hạn.	Bổ sung vốn lưu hành TMCP Công thương Việt Nam tương ứng với 1.650.000.000 VND	16.500 trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tương ứng với 1.650.000.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SỐNG ĐÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

17. VAY DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND		VND	VND	VND
Vay dài hạn						
Vay ngân hàng	809.554.213.090	809.554.213.090	1.306.805.739.948	26.913.022.188	2.089.446.930.850	2.089.446.930.850
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ (i)	754.282.713.461	754.282.713.461	1.306.805.739.948	22.000.000.000	2.039.088.453.409	2.039.088.453.409
Nhóm các ngân hàng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy (i)	55.271.499.629	55.271.499.629	-	4.913.022.188	50.358.477.441	50.358.477.441
Vay bên liên quan	307.000.000.000	307.000.000.000	-	307.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	212.200.000.000	212.200.000.000	-	212.200.000.000	-	-
Công ty TNHH Nước sạch REE	94.800.000.000	94.800.000.000	-	94.800.000.000	-	-
	1.116.554.213.090	1.116.554.213.090	1.306.805.739.948	333.913.022.188	2.089.446.930.850	2.089.446.930.850

Trong đó:

- Số phải trả trong vòng 12 tháng	26.913.022.188
- Số phải trả sau 12 tháng	2.062.533.908.662

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SÔNG ĐÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

(i) Thông tin chi tiết về các khoản vay dài hạn như sau:

Bên cho vay	Dư nợ cuối năm (VND)	Dư nợ đầu năm (VND)	Lãi suất	Thời hạn cho vay, lịch thanh toán gốc, lãi	Mục đích	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ	1.739.397.090.172	754.282.713.461	Lãi suất cơ sở cộng 2,1% trong 6 năm đầu. Từ năm thứ 7 đến hết năm thứ 12 bằng lãi suất cơ sở cộng 2,4%. Từ năm thứ 13 đến hết năm thứ 18 bằng lãi suất cơ sở cộng 2,6% (Lãi suất cơ sở bằng lãi suất huy động tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng - trả lãi sau đối với khách hàng cá nhân của hội sở chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam).	- 216 tháng kể từ ngày Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp tiếp theo của ngày lễ và hợp pháp của Giai đoạn 2 Dự giải ngân đầu tiên, án Đầu tư Xây dựng Hệ thống cấp thời gian ân hạn 48 nước và chuỗi đô thị Sơn Tây – Hòa Lạc – Xuân Mai – Miếu Môn – - Sau thời gian ân hạn Nội – Hà Đông nâng công suất (Thuyết minh số 10); hạn, gốc vay và lãi vay lên 600.000 m3 được thanh toán hàng quý.	- Tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị thuộc Dự án Giai đoạn 1 và tài sản hình thành từ khoản vay và quyền tài sản phát sinh từ toàn bộ dự án (Thuyết minh số 10); - Cầm cố 4.829.400 cổ phiếu VAV của Công ty Cổ phần Vivaco mệnh giá 48.294.000.000 VND được lưu ký tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (Thuyết minh số 12).	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ (Hợp đồng số 23/TAH/8106002/HĐCVDH/01)	299.691.363.237	540.000.000.000	- Lãi suất kể từ ngày giải ngân đầu tiên tới hết ngày 23/11/2024 bằng lãi suất cơ sở cộng 2,1%. Từ năm thứ 2 đến hết năm thứ 7 bằng lãi suất cơ sở cộng 2,4%. Từ năm thứ 8 đến hết năm thứ 15 bằng lãi suất cơ sở cộng 2,6%.	- 180 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 12 tháng; - Sau thời gian ân hạn, gốc vay và lãi vay được thanh toán hàng quý.	- Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư thực hiện Phương án đầu tư Phát triển Mạng lưới truyền tải cấp II hệ thống cấp nước Sông Đà; - Thanh toán bù đắp các chi phí hợp pháp, hợp lý, hợp lệ mà Công ty đã thanh toán vượt phần vốn tự có tối thiểu phải tham gia theo phương án Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chấp thuận cấp tín dụng đối với phương án đầu tư.	- Tài sản Mạng lưới truyền tải cấp II hệ thống cấp nước Sông Đà nguyên giá: 493.317.688.109 VND - Quyền tài sản phát sinh từ Phương án Đầu tư Mạng lưới truyền tải cấp II hệ thống cấp nước Sông Đà được Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tài trợ.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NƯỚC SẠCH SỐNG ĐÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Bên cho vay	Dư nợ cuối năm (VND)	Dư nợ đầu năm (VND)	Lãi suất	Thời hạn cho vay, lịch thanh toán gốc, lãi	Mục đích	Hình thức đảm bảo
Nhóm các ngân hàng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy	50.358.477.441	55.271.499.629	Lãi suất cố định trong 2 năm đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 7,0%/năm. Từ năm thứ 3 trở đi lãi suất bằng lãi suất cơ sở + 2,7% (Lãi suất cơ sở được tính bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm thông thường bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng bình quân 4 ngân hàng: VCB - Chi nhánh Sở giao dịch, BIDV - Chi nhánh Sở giao dịch 3, Vietinbank - Chi nhánh Hà Nội, Agribank - Chi nhánh Sở giao dịch	- 216 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 48 tháng. - Sau thời gian ân hạn, gốc vay và lãi vay được thanh toán hàng quý. - Lãi vay được trả hàng tháng, gốc vay thanh toán khi đáo hạn.	Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ của Phân kỳ 1 thuộc Giai đoạn 2 Dự án Đầu tư Xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây – Hòa Lạc – Xuân Mai – Miếu Môn – Hà Nội – Hà Đông nâng công suất lên 600.000 m3	Tài sản hình thành từ khoản vay (Thuyết minh số 10).
Tổng cộng	2.089.446.930.850	809.554.213.090				

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Trong vòng một năm	26.913.022.188	26.913.022.188
Trong năm thứ hai	75.206.225.528	333.913.022.188
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	525.310.039.821	225.618.676.584
Sau năm năm	1.462.017.643.313	530.109.492.130
	2.089.446.930.850	1.116.554.213.090
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	26.913.022.188	26.913.022.188
Số phải trả sau 12 tháng	2.062.533.908.662	1.089.641.190.902



18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	750.000.000.000	2.202.126.044	611.508.113.337	1.363.710.239.381
Lợi nhuận trong năm	-	-	201.411.332.455	201.411.332.455
Cổ tức công bố	-	-	(225.000.000.000)	(225.000.000.000)
Số dư cuối năm trước	750.000.000.000	2.202.126.044	587.919.445.792	1.340.121.571.836
Số dư đầu năm nay	750.000.000.000	2.202.126.044	587.919.445.792	1.340.121.571.836
Lợi nhuận trong năm	-	-	34.044.845.279	34.044.845.279
Cổ tức công bố	-	-	(75.000.000.000)	(75.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	750.000.000.000	2.202.126.044	546.964.291.071	1.299.166.417.115

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023, Nghị quyết 19/2023/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 11 năm 2023 và Nghị quyết điều chỉnh số 20/2023/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 11 năm 2023, Công ty đã chi trả hết cổ tức còn lại năm 2022 với tỷ lệ 5% tương ứng với 37,5 tỷ VND và tạm ứng cổ tức năm 2023 với tỷ lệ 5% tương ứng với 37,5 tỷ VND trong năm 2023.

Vốn điều lệ:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh gần nhất, vốn điều lệ của Công ty là 750 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 750 tỷ VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	464.840.000.000	62,46%	464.840.000.000	62,46%
Công ty TNHH Nước sạch REE	269.600.000.000	35,88%	269.600.000.000	35,88%
Các cổ đông khác	15.560.000.000	1,66%	15.560.000.000	1,66%
	750.000.000.000	100%	750.000.000.000	100%

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	75.000.000	75.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>75.000.000</i>	<i>75.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	75.000.000	75.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>75.000.000</i>	<i>75.000.000</i>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

19. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động chính của Công ty trong năm chủ yếu là sản xuất và cung cấp nước sạch. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trên địa bàn Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động trọng yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định rằng Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý và Công ty không cần trình bày thông tin báo cáo theo bộ phận.

20. DOANH THU BÁN HÀNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán nước sạch	573.502.579.532	548.914.691.125
	573.502.579.532	548.914.691.125
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 28)	33.302.256.003	40.852.374.498

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn bán nước sạch	391.518.804.496	259.726.875.334
	391.518.804.496	259.726.875.334

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	33.995.308.830	18.104.917.569
Chi phí nhân công	42.382.762.744	32.974.512.724
Chi phí khấu hao tài sản cố định	160.829.628.950	103.447.569.575
Chi phí dịch vụ mua ngoài	128.243.494.631	76.732.975.980
Chi phí khác bằng tiền	70.893.486.855	62.030.181.151
	436.344.682.010	293.290.156.999

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức được chia	5.880.592.500	6.117.165.500
Lãi tiền gửi	97.176.261	593.089.849
	5.977.768.761	6.710.255.349

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	103.893.723.831	50.187.401.574
Chi phí tài chính khác	172.508.660	-
	104.066.232.491	50.187.401.574

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	18.166.425.049	13.078.498.380
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.592.278.504	3.674.979.499
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.097.066.852	2.710.808.024
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	17.970.107.109	14.098.995.762
	44.825.877.514	33.563.281.665

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.514.059.385	10.610.951.002
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	-	34.225.000
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.514.059.385	10.645.176.002

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	38.558.904.664	212.056.508.457
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ: Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>5.880.592.500</i>	<i>6.117.165.500</i>
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>57.505.699.269</i>	<i>5.686.587.220</i>
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	90.184.011.433	211.625.930.177
<i>Thu nhập chịu thuế suất ưu đãi 10%</i>	<i>97.176.261</i>	<i>593.089.849</i>
<i>Thu nhập chịu thuế suất ưu đãi 5%</i>	<i>90.086.835.172</i>	<i>211.032.840.328</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.514.059.385	10.610.951.002

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Công ty được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 10% trong thời hạn 15 năm tính từ năm hoạt động đầu tiên (từ năm 2009 đến năm 2023) đối với lợi nhuận từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đầu tư phát triển nhà máy nước. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2012 đến năm 2015) và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2016 đến năm 2024).

Các quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi về sau theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	34.044.845.279	201.411.332.455
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	34.044.845.279	201.411.332.455
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	75.000.000	75.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	454	2.685

28. **NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	Công ty mẹ tối cao
Công ty Cổ phần Hạ Tầng GELEX	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	Công ty trong Tập đoàn
Công ty TNHH Nước sạch REE	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Nước sạch Tây Hà Nội	Bên liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan sau đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán nước sạch	33.302.256.003	40.852.374.498
Công ty Cổ phần Nước sạch Tây Hà Nội	33.302.256.003	40.852.374.498
Vay trong năm	-	260.700.000.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	-	186.900.000.000
Công ty TNHH Nước sạch REE	-	73.800.000.000
Trả gốc vay	307.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	212.200.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Nước sạch REE	94.800.000.000	-
Cổ tức chi trả	74.386.018.350	140.544.000.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	47.926.018.350	140.544.000.000
Công ty TNHH Nước sạch REE	26.460.000.000	-
Chi phí lãi vay	11.913.342.466	18.666.620.618
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	8.127.534.249	13.855.743.909
Công ty TNHH Nước sạch REE	3.785.808.217	4.810.876.709

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	6.720.066.990	20.555.742.279
Công ty Cổ phần Nước sạch Tây Hà Nội	6.720.066.990	20.555.742.279
Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	19.637.257.627
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	-	19.637.257.627
Phải trả người bán ngắn hạn	-	9.889.863.011
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	-	7.006.136.986
Công ty TNHH Nước sạch REE	-	2.883.726.025
Vay dài hạn	-	307.000.000.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	-	212.200.000.000
Công ty TNHH Nước sạch REE	-	94.800.000.000

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thù lao cho Hội đồng Quản trị	2.040.000.000	2.040.000.000
Nguyễn Xuân Quý	360.000.000	360.000.000
Trương Khắc Hoàn	360.000.000	360.000.000
Nguyễn Anh Tuấn	360.000.000	360.000.000
Lê Văn Thăng	350.000.000	-
Bùi Đăng Khoa	210.000.000	-
Nguyễn Hoàng Long	250.000.000	600.000.000
Bùi Lê Khoa	150.000.000	360.000.000
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	4.096.288.370	4.269.175.582
Nguyễn Xuân Quý	1.584.045.600	1.652.331.000
Lưu Việt Thịnh	927.016.410	905.036.200
Trịnh Văn Nam	880.527.760	971.753.382
Đào Gia Thăng	704.698.600	740.055.000
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thù lao cho Ban kiểm soát	600.000.000	600.000.000
Nguyễn Việt Trung	360.000.000	221.000.000
Lê Huy	120.000.000	120.000.000
Nguyễn Thị Ngọc Oanh	120.000.000	120.000.000
Nguyễn Việt Hà	-	139.000.000



Nguyễn Minh Đức
Người lập biểu



Đào Gia Thăng
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Quý
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 3 năm 2024

Số: 107 /2024/TTr-HĐQT

Hoà Bình, ngày 28 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

“V/v: Chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023
và kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị, ban kiểm soát năm 2024”

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2021;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (“Công ty”) được Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thông qua ngày 25/4/2023;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty được ĐHĐCĐ thông qua ngày 25/4/2023 và được ban hành theo Quyết định số 01/2023/QĐ-HĐQT của Chủ tịch HĐQT Công ty ngày 25/4/2023;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2023 của ĐHĐCĐ;

HĐQT Công ty xin báo cáo và trình ĐHĐCĐ Công ty việc chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát (“BKS”) năm 2023 và xem xét, thông qua kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2024, cụ thể như sau:

1. **Năm 2023:** Thù lao HĐQT và BKS đã chi trả là: **2.640.000.000** đồng

Trong đó:

HĐQT là: **2.040.000.000** đồng/năm

BKS là: **600.000.000** đồng/năm

2. **Năm 2024:** Kế hoạch trả thù lao HĐQT, BKS: **2.640.000.000** đồng,

Trong đó:

Thù lao HĐQT là: **2.040.000.000** đồng

Chủ tịch HĐQT là: **50.000.000** đ/tháng.

Thành viên HĐQT (04 người): **30.000.000** đ/người/tháng.

Thù lao BKS: **600.000.000** đồng

Trưởng BKS: **30.000.000** đ/tháng

Thành viên BKS (02 người): **10.000.000** đ/người/tháng

Xin trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận:

- Như kính gửi,
- Lưu HĐQT, TCHC.



LÊ VĂN THĂNG

Số: 108/2024/TTr-HĐQT

Hoà Bình, ngày 28 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

“V/v: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023
và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2024”

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà (“**Công ty**”) được Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) thông qua ngày 27/4/2021 và được sửa đổi, bổ sung ngày 25/4/2023;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) Công ty được **ĐHĐCĐ** thông qua ngày 25/4/2023 và được ban hành theo Quyết định số 01/2023/QĐ- **HĐQT** của Chủ tịch **HĐQT** Công ty ngày 25/4/2023;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2023/NQ-**ĐHĐCĐ** của **ĐHĐCĐ** Công ty ngày 25/4/2023;

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty.

HĐQT Công ty kính trình **ĐHĐCĐ** xem xét phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch thanh toán/tạm ứng cổ tức năm 2024 như sau:

a. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023:

TT	Nội dung	Giá trị
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính riêng tại 31/12/2022	587.919.445.792
2	Lợi nhuận đã phân phối theo Nghị quyết 01/2023/NQ- ĐHĐCĐ ngày 25/04/2023 (chi trả cổ tức đợt 2 tỷ lệ 5% đối với lợi nhuận năm 2022 (01 cổ phiếu được nhận 500 đồng))	37.500.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2023	34.044.845.279
4	Tổng nguồn phân phối lợi nhuận cho năm 2023 (4)=(1)-(2)+(3)	584.464.291.071
5	Lợi nhuận đề nghị phân phối	37.500.000.000
	Trong đó:	
	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	0
	Cổ tức năm 2023 bằng tiền (tỷ lệ 5% (01 cổ phiếu được nhận 500 đồng)) (*)	37.500.000.000
6	Lợi nhuận để lại sau phân phối (6)=(4)-(5)	546.964.291.071

(*) Trong đó, VCW đã tạm ứng cổ tức của năm 2023 Đợt 1 bằng tiền với tỷ lệ 5% (01 cổ phiếu được nhận 500 đồng) theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 20/2023/NQ- **HĐQT** ngày 13/11/2023.



b. Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền: Trên cơ sở một số chỉ tiêu chính kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024, công ty không thực hiện chi trả cổ tức năm 2024 để đảm bảo dòng tiền phục vụ sản xuất kinh doanh.

Kính đề nghị ĐHĐCĐ xem xét chấp thuận.

Xin trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận:

- Như kính gửi,
- Lưu HĐQT, TCHC.



LÊ VĂN THĂNG

